



MAI SỸ TUẤN (Tổng Chủ biên) – BÙI PHƯƠNG NGÀ (Chủ biên)
PHÙNG THANH HUYỀN – NGUYỄN TUYẾT NGÀ – LƯƠNG VIỆT THÁI

VỞ BÀI TẬP

Tự nhiên và Xã hội

2



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

MAI SỸ TUẤN (Tổng Chủ biên) – BÙI PHƯƠNG NGÀ (Chủ biên)
PHÙNG THANH HUYỀN – NGUYỄN TUYẾT NGÀ – LƯƠNG VIỆT THÁI

Vở bài tập

Tự nhiên và Xã hội

Cánh Diều 2

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: Tầng 6, Toà nhà số 128 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.37547735

Email: nxb@hnue.edu.vn | **Website:** www.nxbdhsp.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập: ĐỖ VIỆT HÙNG

Chịu trách nhiệm tổ chức bản thảo và bản quyền nội dung:

CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Biên tập:

HÀ PHƯƠNG ANH - NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO

Thiết kế sách:

ĐINH THỊ BÌNH

Minh họa:

ĐẶNG HOÀNG VŨ

Trình bày bìa:

ĐẶNG HOÀNG VŨ

Sửa bản in:

NGUYỄN KIM DUNG

Trong sách có sử dụng một số hình ảnh trên internet. Trân trọng cảm ơn các tác giả.

VỞ BÀI TẬP TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2

Mã số: VBTX0020021B - ISBN: 978-604-54-8107-3

In 80.000 cuốn, khổ 17 x 24cm, tại Công ty Cổ phần In và Thương mại Quốc Duy

Địa chỉ: Số 9, ngách 130/1, ngõ 130, phố Đốc Ngũ, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Xưởng in: Trại cầu N25, đường Tân Xuân, phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 872-2021/CXBIPH/15-50/ĐHSP

Quyết định xuất bản số: 691/QĐ-NXBĐHSP ngày 31/5/2021

In xong và nộp lưu chiểu năm 2021

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 2 là tài liệu bổ trợ cho cuốn sách giáo khoa **Tự nhiên và Xã hội 2** (trong bộ sách giáo khoa **Cánh Diều**), được biên soạn nhằm:

- Giúp các thầy, cô giáo thuận lợi hơn trong việc đổi mới phương pháp dạy học, từ đó tạo cơ hội hình thành và phát triển năng lực học tập môn Tự nhiên và Xã hội cho học sinh.
- Giúp học sinh lớp 2 có điều kiện thực hiện các hoạt động học tập độc lập, phong phú và đa dạng trong các tiết học môn Tự nhiên và Xã hội; thực hành, rèn luyện các kĩ năng học tập môn học; củng cố, khắc sâu kiến thức và tự đánh giá.

Các dạng bài tập chủ yếu trong cuốn vở bài tập này là:

- Quan sát các hình ảnh, giới thiệu hoặc mô tả những gì quan sát được.
- Khoanh vào chữ cái trước ý (hoặc câu) đúng hoặc phù hợp.
- Nối ô chữ (hoặc hình vẽ) với ô chữ sao cho phù hợp.
- Đánh dấu ✕ vào ô ☐.
- Điền số hoặc viết chữ vào ô ☐, chỗ những từ ngữ hoặc câu phù hợp.
- Vẽ, tô màu,...

Các tác giả

1 CÁC THẾ HỆ TRONG GIA ĐÌNH

Câu 1. Viết các thành viên của mỗi thế hệ trong gia đình bạn Hà, gia đình bạn An vào bảng dưới đây.

Gia đình	Thành viên trong gia đình		
	Thế hệ thứ nhất	Thế hệ thứ hai	Thế hệ thứ ba
Gia đình bạn Hà			
Gia đình bạn An			

Câu 2

a) Gia đình em có mấy thế hệ cùng chung sống?

.....

b) Viết, vẽ sơ đồ các thế hệ trong gia đình em vào khung dưới đây.

Câu 3. Nối hình với ô chữ cho phù hợp.

1 	a Gia đình An tặng quà bà.	2 
3 	b Mẹ đưa Hà đi khám bệnh.	4 
5 	c An bóp vai cho bà.	6 
	d Bố và anh Hà chơi cờ. Mẹ và Hà cổ vũ.	
	e Gia đình An quây quần vui vẻ bên mâm cơm.	
	g Bố hướng dẫn Hà và anh Hà gấp quần áo.	

Câu 4. Nói về sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, yêu thương của em đối với các thành viên trong gia đình em cho các bạn nghe.

2 NGHỀ NGHIỆP

Câu 1. Viết vào chỗ tên công việc, nghề nghiệp của những người trong các hình dưới đây.



Ca sĩ



Câu 2. Hãy chia sẻ với bạn lớn lên em thích làm nghề gì?
Vì sao?

Câu 3. Nối hình vẽ với tên công việc tình nguyện thích hợp.

1



a

Khám
chữa bệnh

2



3



b

Phát suất ăn

4

MÙA HÈ XANH
KHÁM SỨC KHOẺ CHO NGƯỜI NGHÈO



5



c

Trồng
cây xanh

6



d

Làm đường

e

Chăm sóc
người già,
người bệnh

g

Dạy học cho trẻ
có hoàn cảnh
khó khăn

Câu 4. Nói về công việc tình nguyện của người lớn trong gia đình em hoặc người xung quanh em.

3 PHÒNG TRÁNH NGỘ ĐỘC KHI Ở NHÀ

Câu 1

a) Viết vào chỗ những thức ăn, đồ uống và đồ dùng có thể gây ngộ độc qua đường ăn uống trong các hình dưới đây.

b) Đánh dấu **x** vào ô ☐ dưới hình vẽ những thức ăn, đồ uống và đồ dùng có trong nhà em.



...Bánh chưng mốc...



Câu 2. Khoanh vào chữ cái trước những ý trả lời của em.
Em thu thập thông tin về lí do gây ngộ độc qua:

- A. xem tivi.
- C. nghe đài.
- E. đọc sách, báo.

- B. xem máy tính.
- D. hỏi người lớn.
- G. cách khác:

Câu 3. Hoàn thành bảng dưới đây.

Những việc làm để phòng tránh bị ngộ độc qua đường ăn uống



- Bạn An rửa tay trước khi ăn
- Mẹ bạn An



Câu 4

a) Khoanh vào chữ cái trước những ý trả lời của em.

Em sẽ làm gì khi bản thân hoặc người nhà bị ngộ độc qua đường ăn uống?

- A. Uống thuốc đau bụng.
- B. Gọi cấp cứu theo số máy 115.
- C. Báo ngay cho người lớn.
- D. Gây nôn.

b) Nói với bạn tại sao em trả lời như vậy.

4 GIỮ VỆ SINH NHÀ Ở

Câu 1. Nối hình với ô chữ về việc làm để giữ sạch nhà ở cho phù hợp.



a Lau cửa kính



b Lau chùi lò nướng



c Lau chùi bồn rửa mặt



d Lau nhà và lau tủ bếp



e Phủi bụi tủ và quét nhà



g Cọ rửa nhà vệ sinh



h Lau chùi chạn bát



i Lau bàn, ghế

Câu 2. Viết một số việc mà các thành viên trong gia đình em đã làm để giữ sạch nhà ở.

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Viết số 1, 2, 3 vào ô ☐ theo thứ tự các bước quét nhà và lau bàn.

Các bước quét nhà	Các bước lau bàn
☐ Hót rác	☐ Lau sạch bàn
☐ Quét rác từ trong ra ngoài nhà	☐ Vắt khô khăn
☐ Đổ rác vào thùng	☐ Giặt sạch khăn

Câu 4. Với các việc dưới đây, em hãy tô màu vào:
 😊 nếu em thường xuyên làm, 😐 nếu em thỉnh thoảng làm,
 ☹️ nếu em ít khi làm.

Việc làm	Em tự đánh giá
1. Lau bàn, ghế	😊 😐 ☹️
2. Quét dọn nhà cửa	😊 😐 ☹️
3. Rửa cốc, chén	😊 😐 ☹️
4. Nhặt rác, giấy vụn bỏ vào thùng rác	😊 😐 ☹️
5. Vứt giấy vệ sinh đúng chỗ	😊 😐 ☹️

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH

Câu 1

a) Vẽ hoặc dán ảnh gia đình em vào khung dưới đây.



b) Giới thiệu với bạn về gia đình em theo gợi ý dưới đây:

- Các thành viên của mỗi thế hệ trong gia đình.
- Công việc, nghề nghiệp của những người thân trong gia đình.
- Một số việc làm thể hiện sự quan tâm, yêu thương nhau giữa các thế hệ trong gia đình.

Câu 2. Thu thập thông tin về công việc, nghề nghiệp có thu nhập và công việc tình nguyện rồi hoàn thành bảng dưới đây.

Công việc, nghề nghiệp có thu nhập	Công việc tình nguyện
①	①
②	②
③	③

Câu 3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời của em.
a) Nếu là bạn Hà, em sẽ làm gì trong tình huống dưới đây?



- A. Phàn nàn nhà bẩn.
- B. Nói anh dọn dẹp nhà.
- C. Chờ bố, mẹ dọn dẹp nhà.
- D. Cùng anh dọn nhà.
- E. Cách khác:

b) Nếu là bạn An, em sẽ làm gì trong tình huống dưới đây?



A. Cho em uống thuốc đau bụng.

B. Báo ngay cho người lớn.

C. Gọi điện thoại cấp cứu 115.

D. Để em gái ở nhà chờ tự khỏi.

E. Cách khác:

Câu 4. Viết cam kết và thực hiện các việc em đã cam kết để giữ nhà ở sạch sẽ và an toàn.

Họ và tên:

CAM KẾT

Giữ nhà ở sạch sẽ

1. Quét nhà

2.

3.

Giữ nhà ở an toàn

1.

2.

3.

5 MỘT SỐ SỰ KIỆN Ở TRƯỜNG HỌC

Câu 1. Nối tên sự kiện với ý nghĩa thích hợp.

Tên sự kiện	Ý nghĩa
1. Ngày Khai giảng	a) Thúc đẩy phong trào thể dục, thể thao của nhà trường
2. Ngày Nhà giáo Việt Nam	b) Chào đón tết Nguyên đán của dân tộc Việt Nam
3. Ngày Quốc tế Phụ nữ	c) Tôn vinh thầy, cô giáo
4. Ngày hội Đọc sách	d) Chào mừng năm học mới
5. Hội chợ Xuân	e) Tôn vinh phụ nữ
6. Hội khoẻ Phù Đổng	g) Tôn vinh giá trị của sách

Câu 2

a) Khoanh vào những chữ cái trước hoạt động em đã tham gia trong Ngày hội Đọc sách.

A. Biểu diễn văn nghệ.

B. Quyên góp sách.

C. Tham gia trưng bày triển lãm sách.

D. Giới thiệu sách.

E. Đọc sách.

G. Viết cảm nghĩ về sách.

H. Hoạt động khác (ghi rõ tên hoạt động).....

b) Trong số những hoạt động trên, em thích hoạt động nào? Vì sao?

.....

.....

.....

Câu 3. Nối các hình với ô chữ cho phù hợp.

1

2

a

Lễ chào cờ, hát Quốc ca

b

Hiệu trưởng đánh trống khai giảng

c

Đón học sinh lớp 1

d

Hiệu trưởng đọc diễn văn khai giảng

e

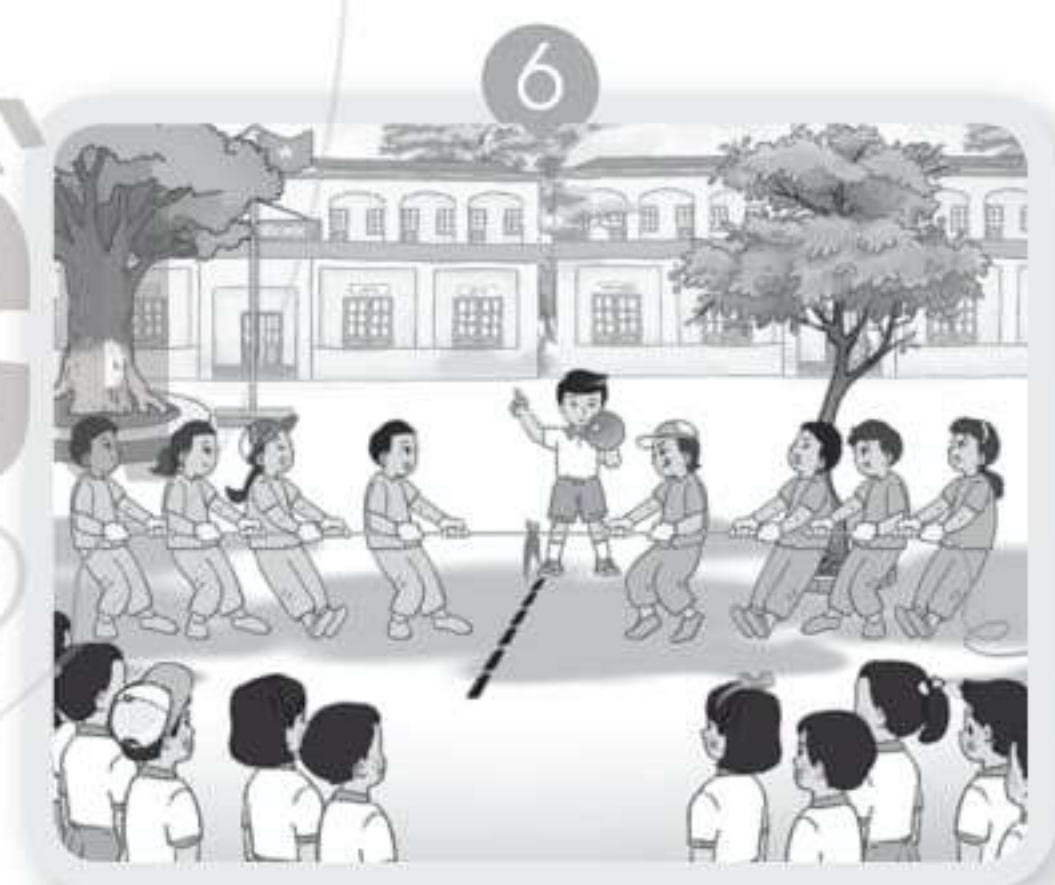
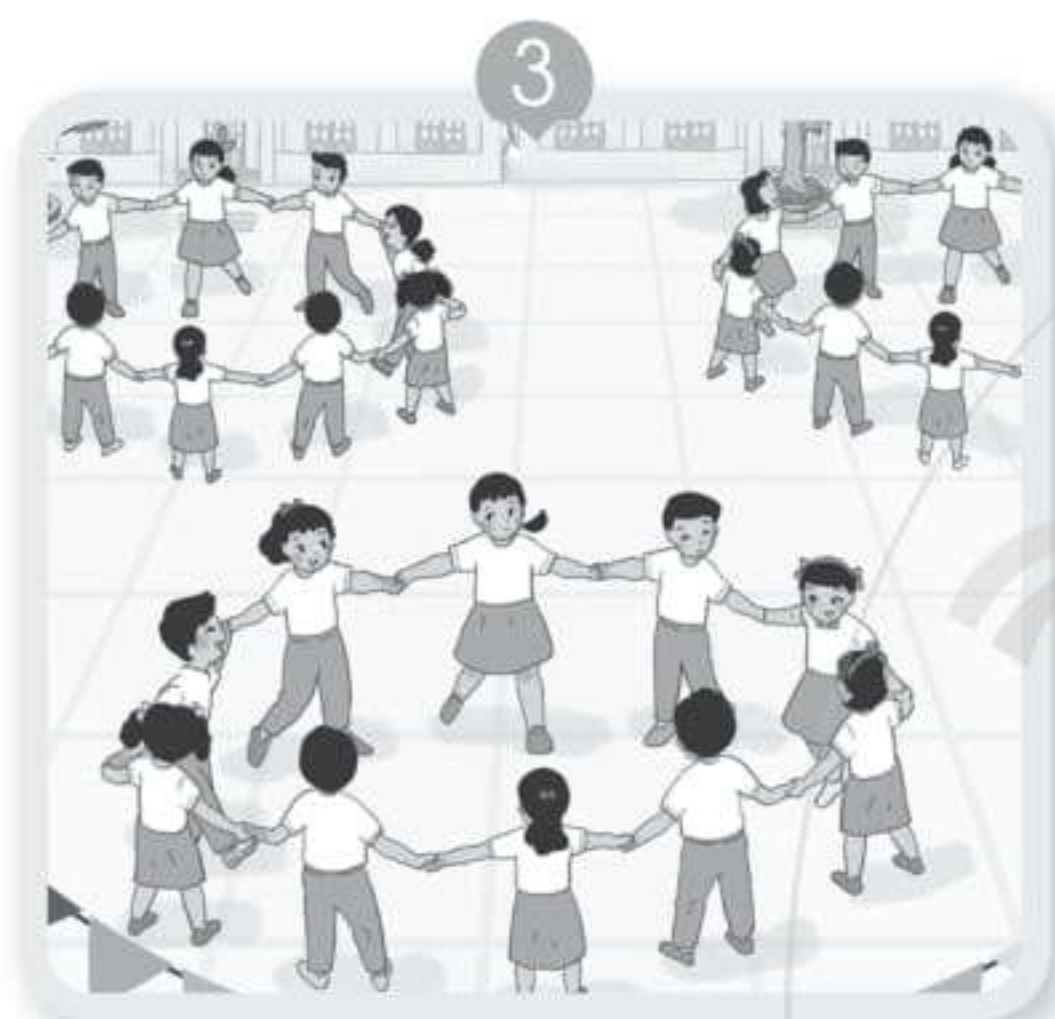
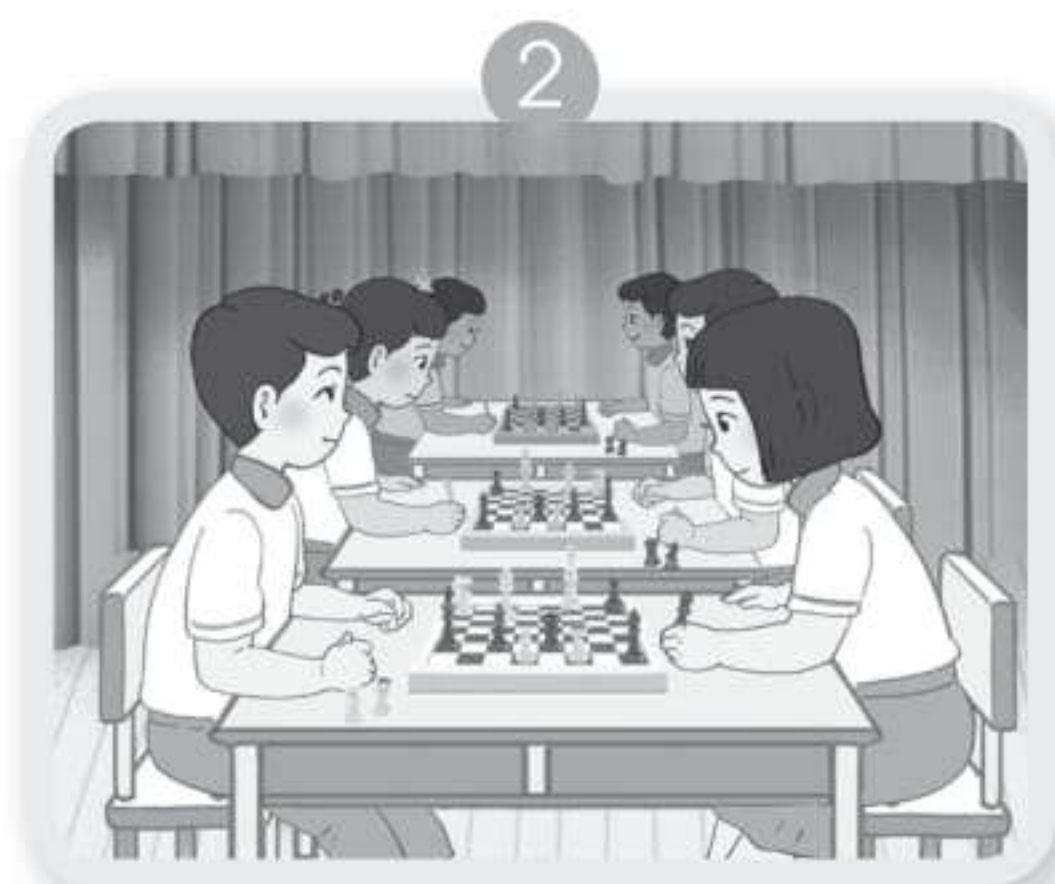
Học sinh biểu diễn văn nghệ chào mừng Ngày Khai giảng

3

4

5

Câu 4. Nối các hình với ô chữ cho phù hợp.



Vui tết
Trung
thu

Hội khoẻ
Phù
Đồng

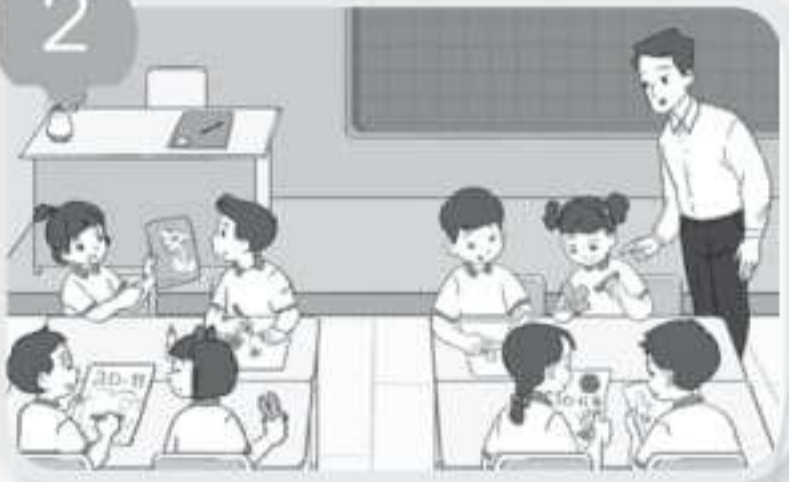
Câu 5. Sử dụng một trong các từ “hào hứng”, “tích cực”, “sôi nổi” để viết nhận xét về sự tham gia của các bạn trong các hoạt động Vui tết Trung thu hoặc Hội khoẻ Phù Đồng.

Câu 6. Vẽ một tấm thiệp chúc mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam hoặc viết một đoạn ngắn về lòng biết ơn của em đối với các thầy, cô giáo.



6 GIỮ VỆ SINH TRƯỜNG HỌC

Câu 1. Hoàn thành bảng dưới đây.

Hoạt động ở trường	Việc làm để giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường	
	Nên	Không nên
1 		Học sinh đánh rơi sách, vở, bút xuống sàn nhưng không nhặt lên phải để cô giáo nhắc nhở.
2 		
3 		
4 		
5 		
6 		

Câu 2. Viết ít nhất 3 việc em đã làm để giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường.

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Tự đánh giá việc giữ vệ sinh của em khi tham gia các hoạt động ở trường vào phiếu dưới đây.

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ

Tên hoạt động	Đánh giá việc thực hiện giữ vệ sinh	
	Tốt	Chưa tốt
1. Hoạt động văn nghệ		
2.		
3.		
4.		
5.		
6.		
7.		

7 AN TOÀN KHI Ở TRƯỜNG

Câu 1. Hoàn thành bảng dưới đây.

Hoạt động	Các tình huống nguy hiểm, rủi ro	Cách phòng tránh
Chơi kéo co	Sân chơi trơn trượt	
	Một bên thả tay	
	Dây đứt	Kiểm tra độ bền chắc của dây
Đi tham quan	Cây, con vật có chất độc	
	Đi lạc	
	Thời tiết xấu	

Câu 2. Hãy chọn một hoạt động ở trường và hoàn thành bảng dưới đây.

Hoạt động	Các tình huống nguy hiểm, rủi ro	Cách phòng tránh
.....		

Câu 3. Viết ích lợi của việc xác định được các tình huống nguy hiểm, rủi ro trước khi tham gia các hoạt động ở trường.

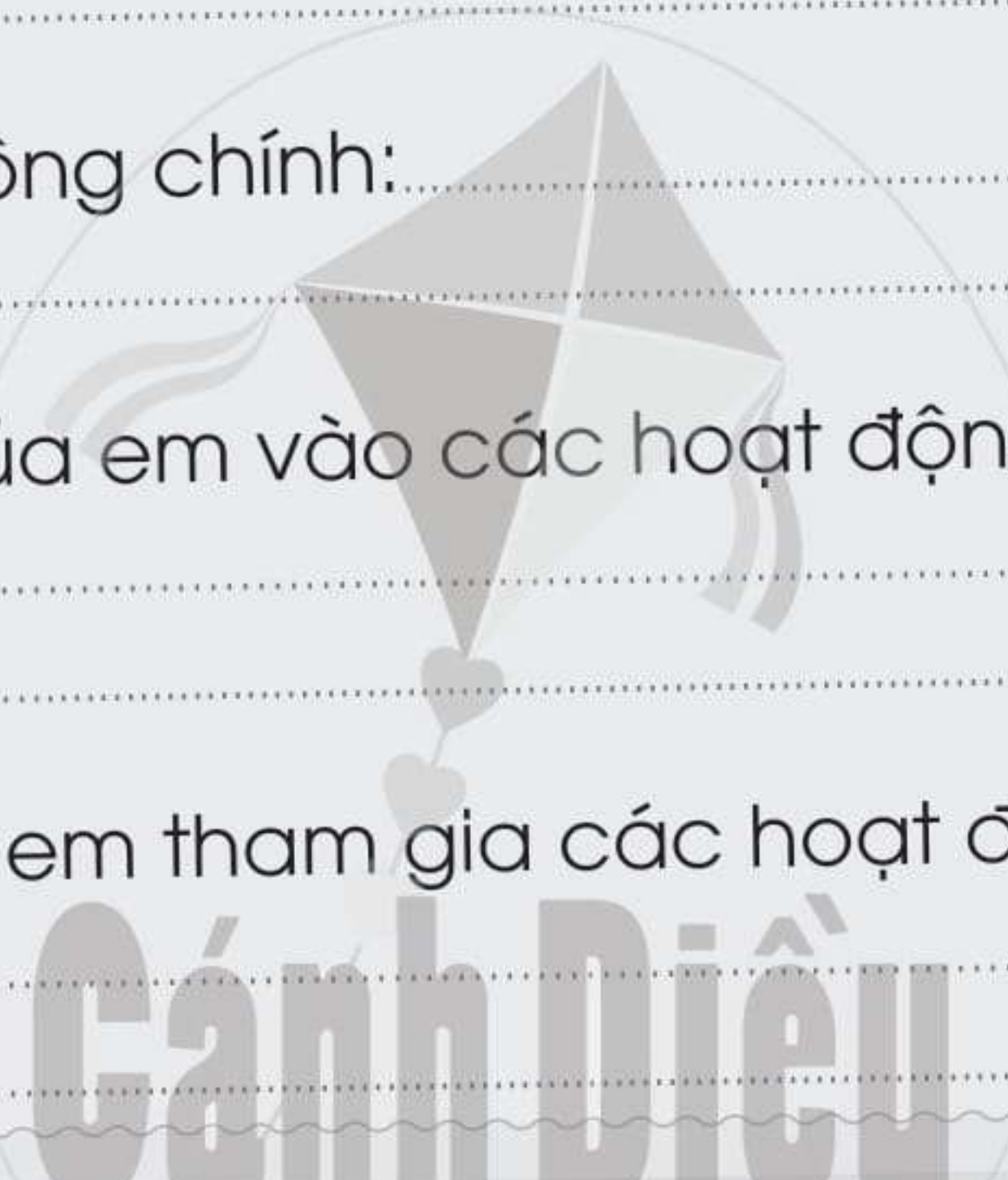
Câu 4. Viết chữ **N** vào ô ☐ trước việc em nên làm, chữ **K** vào ô ☐ trước việc em không nên làm để giữ an toàn khi tham gia các hoạt động ở trường.

- ☐ Lắng nghe và làm theo hướng dẫn của thầy, cô giáo.
- ☐ Thực hiện đúng luật chơi.
- ☐ Chưa chú ý kiểm tra các thiết bị, đồ dùng trước khi tham gia các hoạt động.
- ☐ Thực hiện đúng các quy định khi đi tham quan.
- ☐ Không chuẩn bị trước khi tham gia các hoạt động ở trường.
- ☐ Cẩn thận khi sử dụng một số đồ dùng sắc nhọn như bút chì, kéo.

Câu 5. Viết khẩu hiệu hoặc cam kết thực hiện giữ an toàn khi tham gia các hoạt động ở trường.

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ TRƯỜNG HỌC

Câu 1. Chọn một trong các sự kiện được tổ chức ở trường và trình bày theo gợi ý dưới đây.



- ✿ Tên sự kiện:
- ✿ Ý nghĩa:
- ✿ Một số hoạt động chính:
- ✿ Sự tham gia của em vào các hoạt động đó:
- ✿ Cảm nhận khi em tham gia các hoạt động đó:

Câu 2. Hoàn thành các bảng sau đây.

Bảng 1.

GIỮ VỆ SINH KHI THAM GIA TẾT TRUNG THU

Những việc nên làm	Những việc không nên làm

Bảng 2.

GIỮ AN TOÀN KHI THAM GIA CHẠY TRONG HỘI KHOẺ PHÙ ĐỒNG	
Tình huống nguy hiểm, rủi ro	Cách phòng tránh
.....	
.....	
.....	
.....	

Câu 3. Hãy cùng các bạn nói về ích lợi của việc giữ vệ sinh trường học theo gợi ý dưới đây.



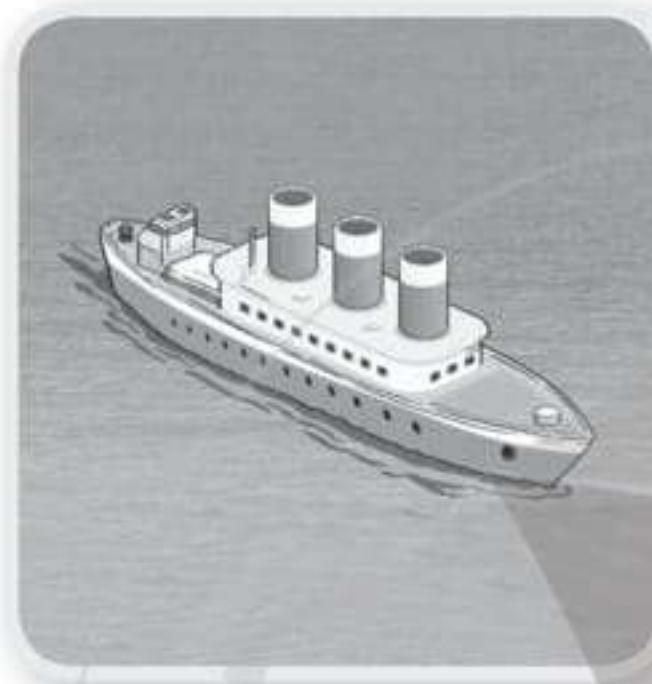
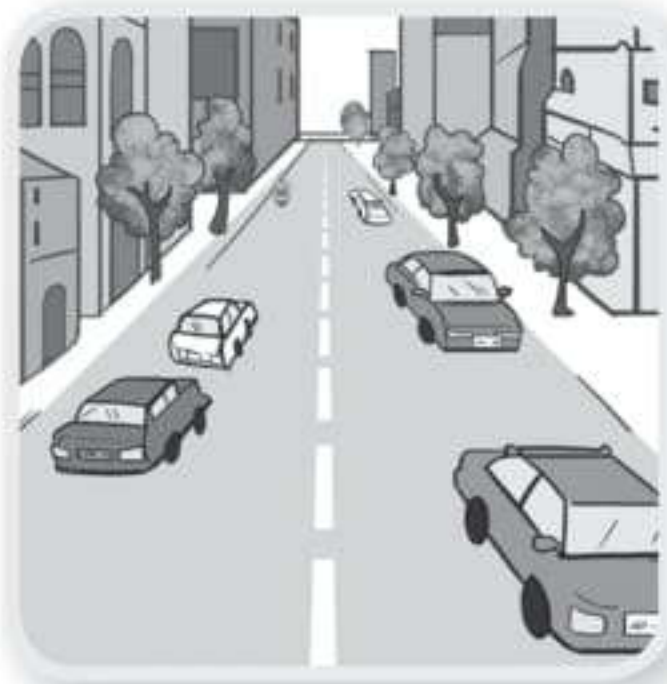
Câu 4. Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời của em.

Khi đi tham quan, một bạn tách ra khỏi nhóm để chạy đuổi bắt bướm. Trong tình huống này, em sẽ làm gì?

- A. Không làm gì.
- B. Cùng chạy theo để bắt bướm.
- C. Chạy theo để khuyên bạn quay về, không nên đi một mình quá xa.
- D. Báo cho thầy, cô giáo biết.

8 ĐƯỜNG VÀ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG

Câu 1. Viết tên loại đường giao thông vào chỗ dưới mỗi hình.



Câu 2. Nối hình với ô chữ cho phù hợp.



a
Đường thủy

b
Đường bộ

c
Đường sắt

d
Đường hàng không



Câu 3. Nối tên phương tiện giao thông với tiện ích cho phù hợp.

Tên phương tiện giao thông	Tiện ích
1 Máy bay	a Đi được trên đường nhỏ, hẹp và không gây ô nhiễm môi trường
2 Sà lan	b Đi nhanh nhất và tiết kiệm được thời gian
3 Tàu hoả	c Chở được các hàng hoá nặng và cồng kềnh
4 Xe đạp	d Đi nhanh, không gian thoải mái và an toàn

Câu 4

a) Tô màu vào các biển báo dưới đây.

b) Viết vào ô ☐ chữ **D** dưới biển báo chỉ dẫn; chữ **C** dưới biển báo cấm; chữ **N** dưới biển báo nguy hiểm.



Câu 5. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời của em.

a) Nếu em là bạn trai trong hình dưới đây thì em sẽ làm gì?



- A. Cùng bạn chạy nhanh sang đường.
- B. Để bạn chạy sang đường một mình.
- C. Khuyên bạn không được chạy sang đường.
- D. Cách khác:

b) Nếu em là bạn gái trong hình dưới đây thì em sẽ làm gì?



- A. Đồng ý với đề nghị của anh.
- B. Không đồng ý với đề nghị của anh nhưng vẫn đi cùng.
- C. Thuyết phục anh không được đi vào đường một chiều.
- D. Cách khác:

Câu 6. Viết tên các loại đường giao thông, một số phương tiện giao thông và một số biển báo giao thông có ở địa phương em.

– Các loại đường giao thông:

– Một số phương tiện giao thông:

– Một số biển báo giao thông:

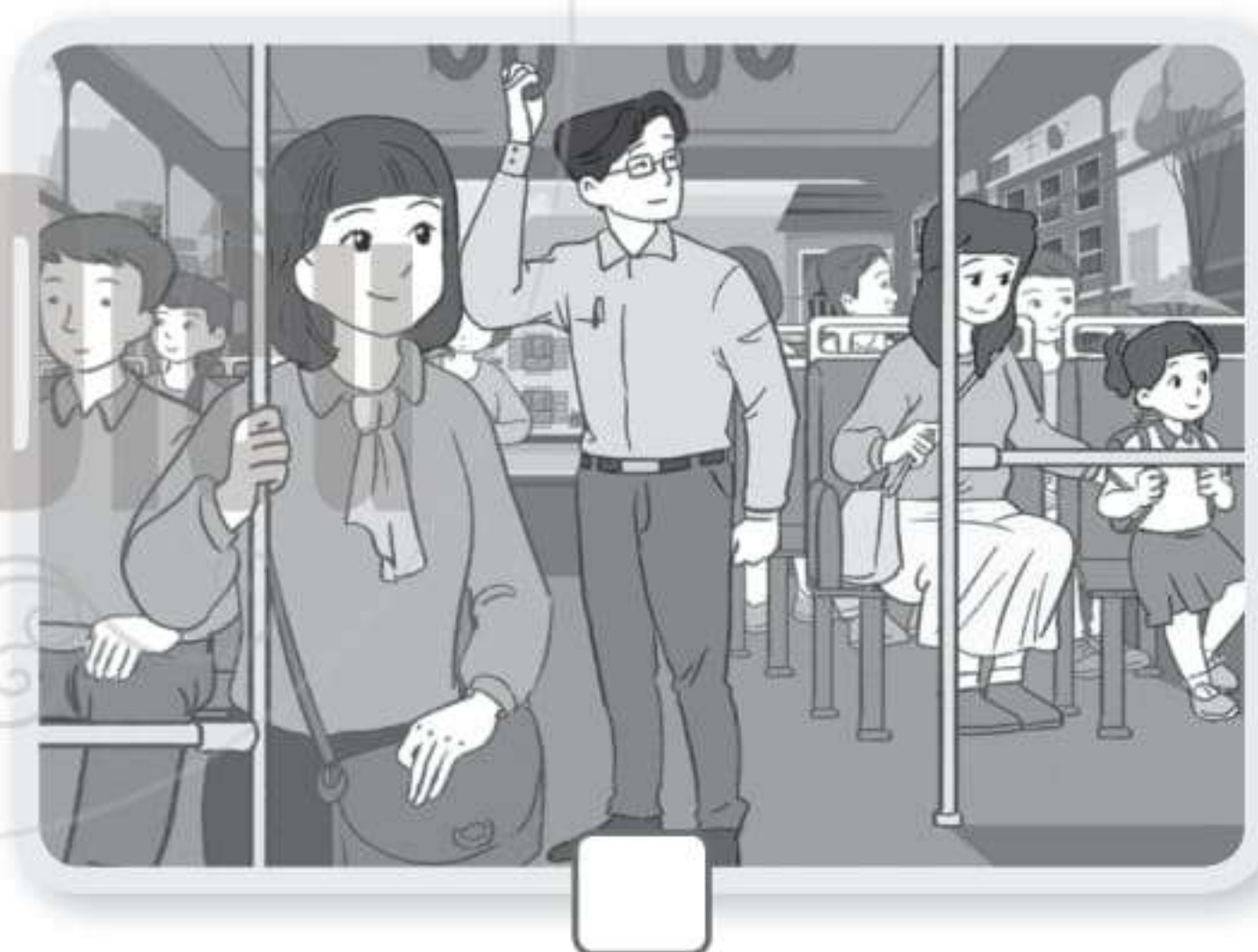
9

AN TOÀN KHI ĐI TRÊN PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG

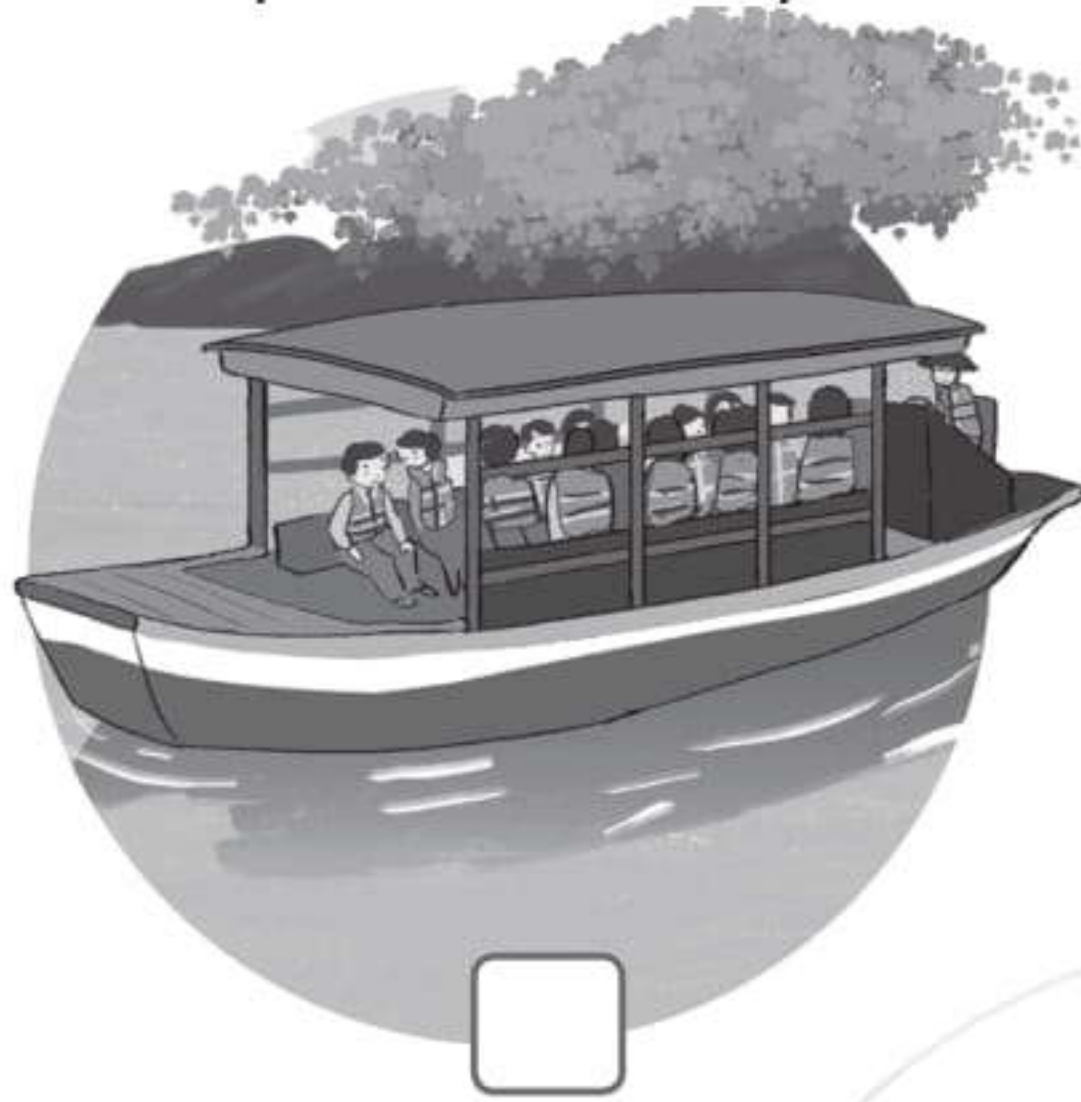
Câu 1. Viết số 1, 2, 3 vào ô ☐ dưới mỗi hình cho phù hợp với trình tự khi ngồi sau xe máy.



Câu 2. Viết số 1, 2, 3, 4 vào ô ☐ dưới mỗi hình cho phù hợp với trình tự khi đi xe buýt.



Câu 3. Viết số 1, 2, 3, 4 vào ô dưới mỗi hình cho phù hợp với trình tự khi đi thuyền.



Câu 4. Nối tên phương tiện giao thông với quy định khi đi phương tiện giao thông đó cho phù hợp.

Xe máy

Ngồi vào ghế. Nếu đứng phải vịn vào cột đỡ hoặc móc vịn.

Xe buýt

Ngồi cân hai bên; ngồi yên, không đứng; không cho tay, chân xuống nước.

Thuyền

Đội mũ bảo hiểm đúng cách trước khi lên xe.

Chờ ở bến hoặc điểm dừng xe, không đứng sát mép đường.

Câu 5

a) Khoanh vào chữ cái trước phương tiện giao thông em thường được đi trong bảng dưới.

b) Tự đánh giá bản thân về việc thực hiện khi đi trên các phương tiện giao thông đó bằng cách tô màu vào:

- 😊 nếu em thường xuyên thực hiện đúng;
- 😐 nếu em thỉnh thoảng thực hiện đúng;
- ☹️ nếu em hiếm khi thực hiện đúng.

Phương tiện giao thông	Em tự đánh giá
A. Xe đạp	😊 😐 ☹️
B. Xe máy	😊 😐 ☹️
C. Xe buýt	😊 😐 ☹️
D. Thuyền	😊 😐 ☹️

Câu 6. Hãy vẽ, viết khẩu hiệu hoặc dán tranh sưu tầm về an toàn khi đi trên phương tiện giao thông vào khung dưới đây.

10 MUA, BÁN HÀNG HOÁ

Câu 1. Đọc các thẻ, viết các số ứng với các thẻ vào ô ☐ trong hai sơ đồ dưới đây cho phù hợp.



Câu 2. Khoanh vào chữ cái trước những ý đúng.
Chúng ta phải lựa chọn hàng hoá trước khi mua để:

- A. Chọn được hàng hoá chất lượng.
- B. Mua được nhiều hàng hoá.
- C. Phù hợp với số tiền của mình.
- D. Phù hợp với nhu cầu của mình.

Câu 3

a) Gia đình em thường mua hàng hoá cần thiết cho cuộc sống hằng ngày ở những đâu?

.....

b) Viết tên một số hàng hoá gia đình em mua ở những nơi đó.

– Ở chợ:

.....

– Ở cửa hàng:

.....

– Ở siêu thị:

.....

– Ở trung tâm thương mại:

.....

Câu 4. Chủ nhật tới mẹ cho em đi siêu thị mua truyện và đồ dùng học tập.

a) Lập danh sách những truyện và đồ dùng học tập cần mua vào bảng dưới đây.

b) Giải thích với mẹ tại sao em chọn mua những truyện và đồ dùng học tập đó.

STT	Tên truyện	Số lượng
1		
2		
3		

STT	Tên đồ dùng học tập	Số lượng
1		
2		
3		

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ

CHỦ ĐỀ CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Câu 1. Hãy điền vào bảng dưới đây những loại đường và phương tiện giao thông có ở địa phương em.

Đường giao thông	Phương tiện giao thông
Đường bộ	Xe máy,

Câu 2. Ở địa phương em có thể mua hàng hoá ở đâu? Những nơi đó thường bán các hàng hoá gì? Hãy hoàn thành bảng dưới đây.

Nơi mua, bán hàng hoá	Các hàng hoá
Chợ	Rau,

Câu 3. Quan sát các hình dưới đây, em sẽ khuyên các bạn nhỏ điều gì?



Lời khuyên của em:



Lời khuyên của em:



Lời khuyên của em:

Mẹ mua cho con quả bóng này nhé!

Tuần trước bố đã mua cho con một quả rồi mà.

11 MÔI TRƯỜNG SỐNG CỦA THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT

Câu 1. Quan sát các hình trang 62, 63 trong SGK và hoàn thành bảng dưới đây.

Hình	Tên cây	Tên con vật	Nơi sống
1		Con hươu sao	Rừng
2			
3			
4			
5			
6			

Câu 2. Nối hình cây, con vật với nơi sống của nó cho phù hợp.



a Nhà

b Vườn

c Ao, hồ

d Biển

e Rừng



Câu 3. Quan sát các hình trang 64 trong SGK và hoàn thành bảng dưới đây.

Hình	Tên cây	Môi trường sống	
		Trên cạn	Dưới nước
1	Cây chuối	x	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			

Câu 4. Quan sát các hình trang 66 trong SGK và hoàn thành bảng dưới đây.

Hình	Tên con vật	Môi trường sống	
		Trên cạn	Dưới nước
1	Con bò	x	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SỐNG CỦA THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT

Câu 1. Nối việc làm với ý nghĩa cho phù hợp.

Việc làm



Ý nghĩa

a Trồng cây xanh cung cấp thức ăn cho động vật ăn thực vật, tạo ra không khí trong lành,...

b Phá rừng làm mất nơi sống, nguồn thức ăn của nhiều động vật sống trong rừng.

c Vứt rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường sống của thực vật và động vật.

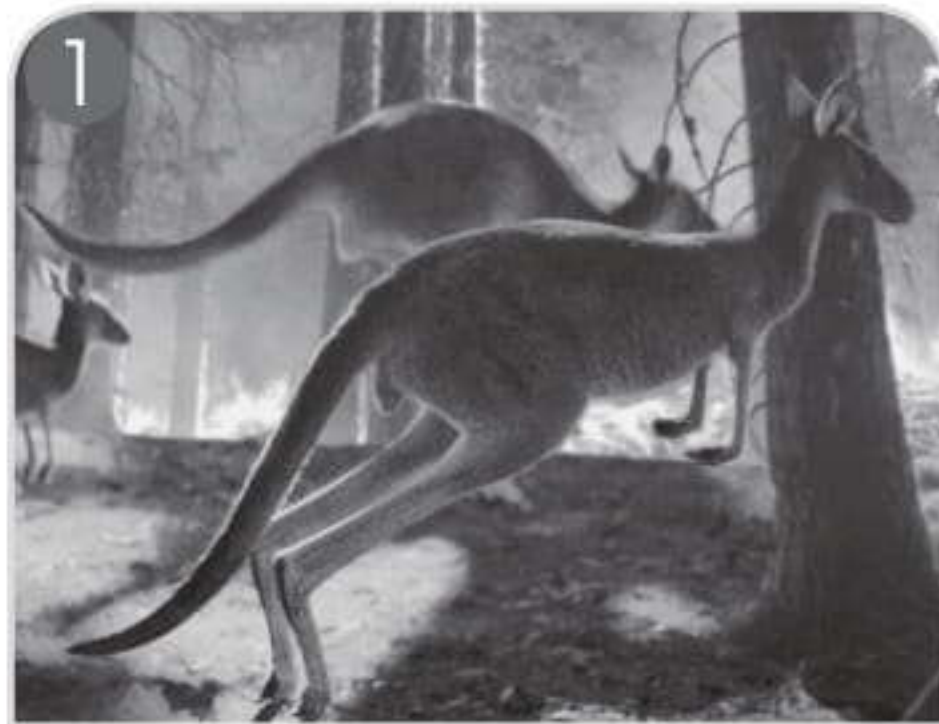
d Thu gom rác thải, làm cho nước ao, hồ trở nên sạch sẽ.

Câu 2. Viết chữ **N** vào ô ☐ trước việc nên làm, viết chữ **K** vào ô ☐ trước việc không nên làm đối với môi trường sống của thực vật và động vật.

- ☐ Vứt túi ni lông, chai nhựa xuống ao, hồ.
- ☐ Chặt phá rừng làm nương rẫy.
- ☐ Trồng cây phủ xanh đất trống, đồi núi trọc,...

- ☐ Tưới nước cho cây trồng.
- ☐ Bỏ rác đúng nơi quy định.
- ☐ Hạn chế sử dụng túi ni lông.

Câu 3. Nối hình với các ô chữ ở giữa cho phù hợp.



Rừng bị cháy.



Nước trong ao, hồ sắp cạn.



Hạn hán làm đất ruộng lúa khô nứt nẻ.

a Cá khó thở vì thiếu nước, thiếu không khí trong nước.

b Cây lúa không hút đủ nước nuôi cây.

c Tôm cá trong ao, hồ có thể bị chết do bị nhiễm độc.

d Rễ cây không thở được, cây sẽ bị hỏng.

e Chuột túi mất nơi sống, đang chạy trốn vì ngột ngạt.

g Trâu không kiếm được thức ăn.



Hạn hán làm đất khô cằn, cỏ không mọc được.



Nước thải bẩn của nhà máy đổ thẳng ra ao, hồ.



Lũ lụt làm ngập cây cối, nhà cửa.

Câu 4. Viết những việc làm bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật dưới mỗi hình dưới đây.



.....

.....

.....

.....



.....

.....

.....

.....



.....

.....

.....

.....



.....

.....

.....

.....

Câu 5. Viết 3 việc em đã làm để bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.

- 1
.....
- 2
.....
- 3
.....

13

THỰC HÀNH: TÌM HIỂU MÔI TRƯỜNG SỐNG CỦA THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT

Câu 1. Viết các cách thu thập thông tin về thực vật, động vật và môi trường sống của chúng.

.....

.....

.....

.....

Câu 2. Tìm hiểu môi trường sống của thực vật, động vật xung quanh em và hoàn thành phiếu điều tra.

PHIẾU ĐIỀU TRA

Họ và tên:

Địa điểm:

Nhóm: Thời gian:

Tên cây hoặc con vật	Môi trường sống			
	Trên cạn	Dưới nước	Những thực vật và động vật khác ở xung quanh	Nhận xét (nếu có)
.....				
.....				

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ

CHỦ ĐỀ THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT

Câu 1. Điền tên các con vật, tên cây vào chỗ cho phù hợp với môi trường sống của chúng.



Câu 2. Nối hình cây và con vật với ô chữ cho phù hợp.

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

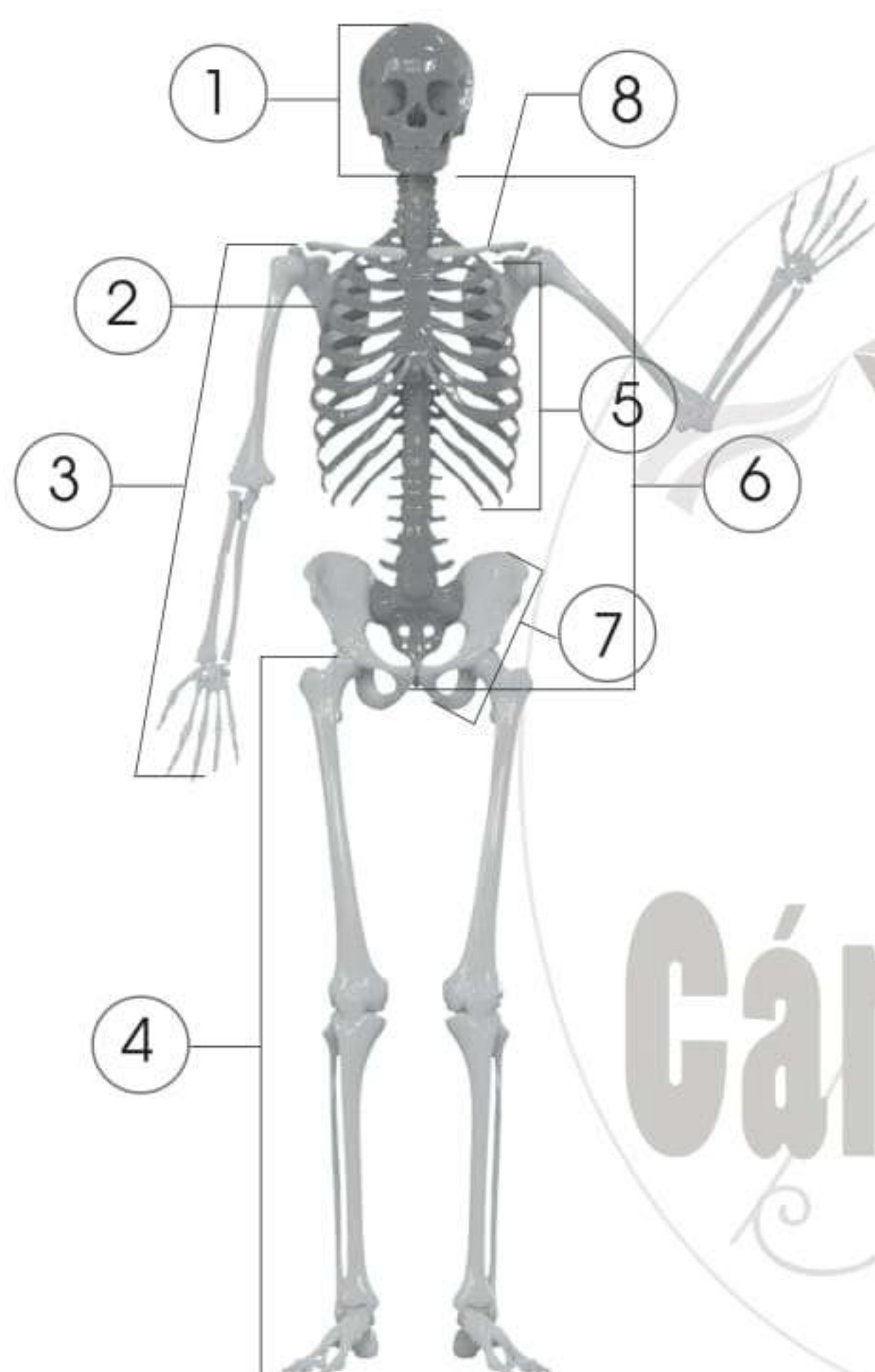
a Môi trường sống trên cạn

b Môi trường sống dưới nước

14 CƠ QUAN VẬN ĐỘNG

Câu 1

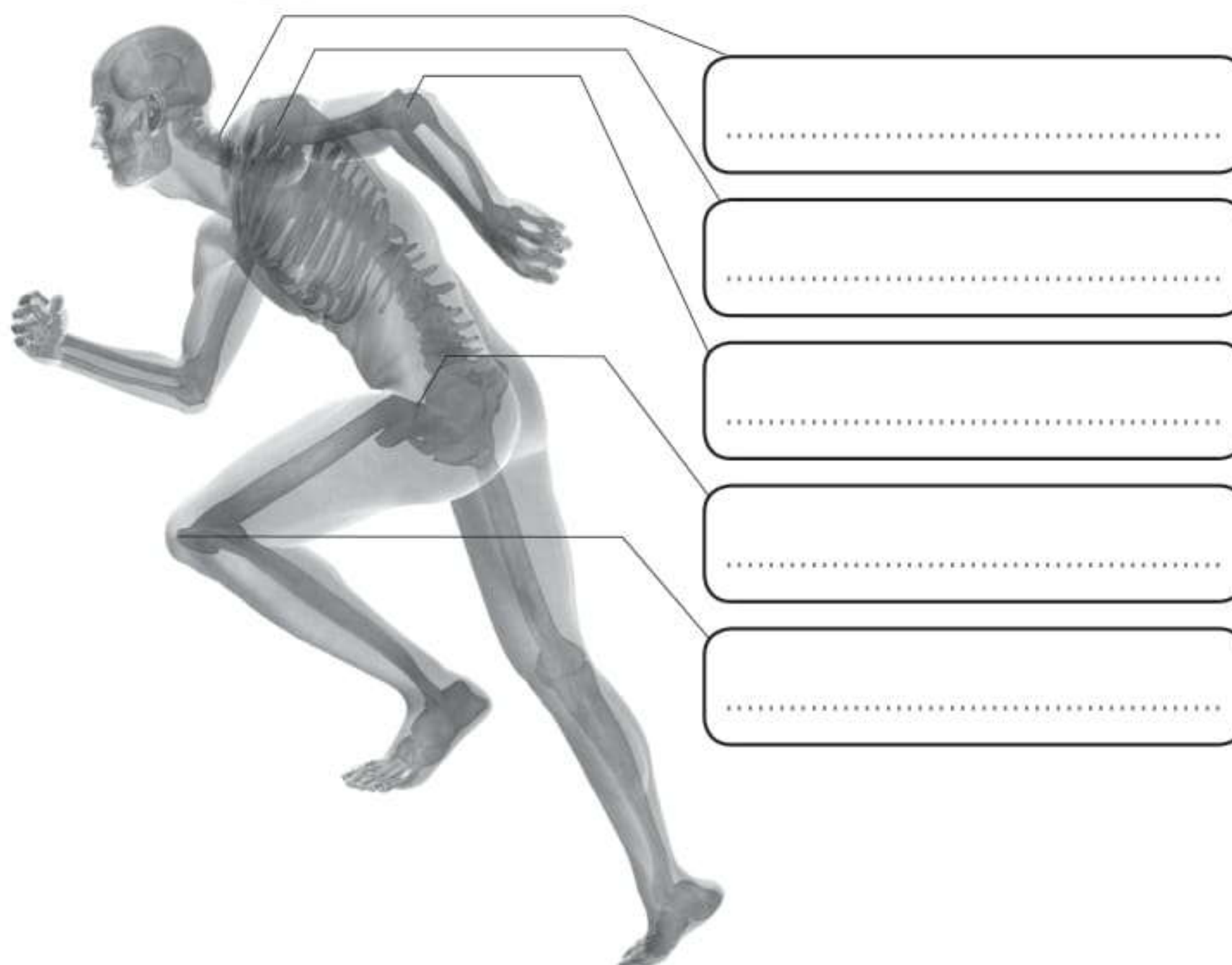
a) Ghép số và chữ cái cho phù hợp theo mẫu.



Tên xương
a. Xương vai
b. Xương đầu
c. Xương sườn
d. Xương đòn
e. Xương tay
g. Xương chậu
h. Xương chân
i. Xương cột sống

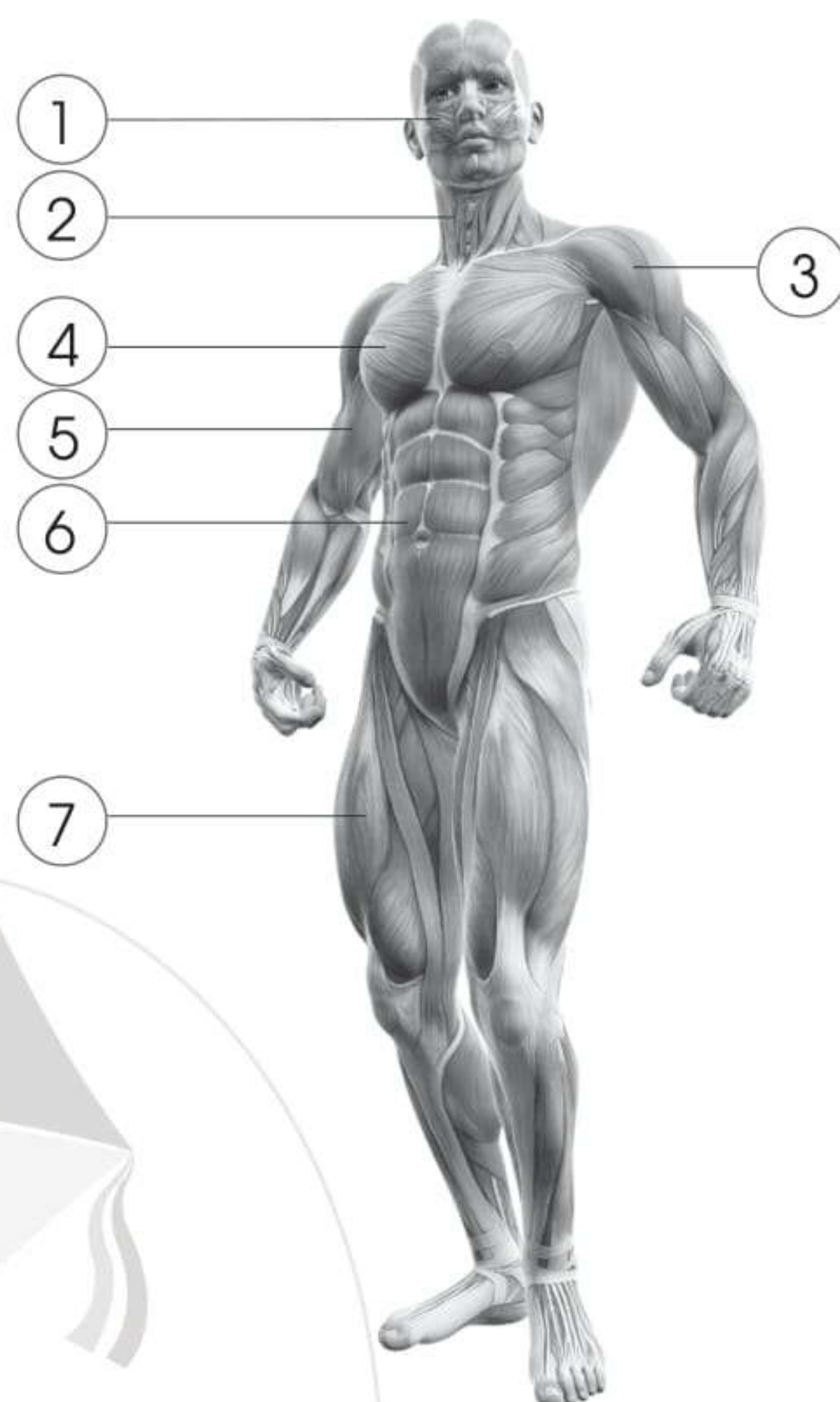
Kết quả
1 – b
2 –
3 –
4 –
5 –
6 –
7 –
8 –

b) Viết tên các khớp xương vào ô trong hình bên cho phù hợp.



Câu 2. Quan sát hình và đọc các ô chữ. Nối ô chữ với các số trong hình cho phù hợp.

- a Cơ vai
- b Cơ cổ
- c Cơ ngực
- d Cơ tay
- e Cơ mặt
- g Cơ đùi
- h Cơ bụng



Câu 3. Hoàn thành bảng dưới đây.

Tên cử động	Tên các cơ, xương, khớp thực hiện cử động
1. Quay cổ, cúi đầu hoặc ngửa mặt lên	
2. Giơ tay lên, hạ tay xuống, quay cánh tay	
3. Đi lại, chạy nhảy	

Câu 4. Nối ô chữ ở cột A với cột B cho phù hợp.

A

- 1 Khớp khuỷu tay
- 2 Khớp vai
- 3 Khớp háng
- 4 Khớp đầu gối

B

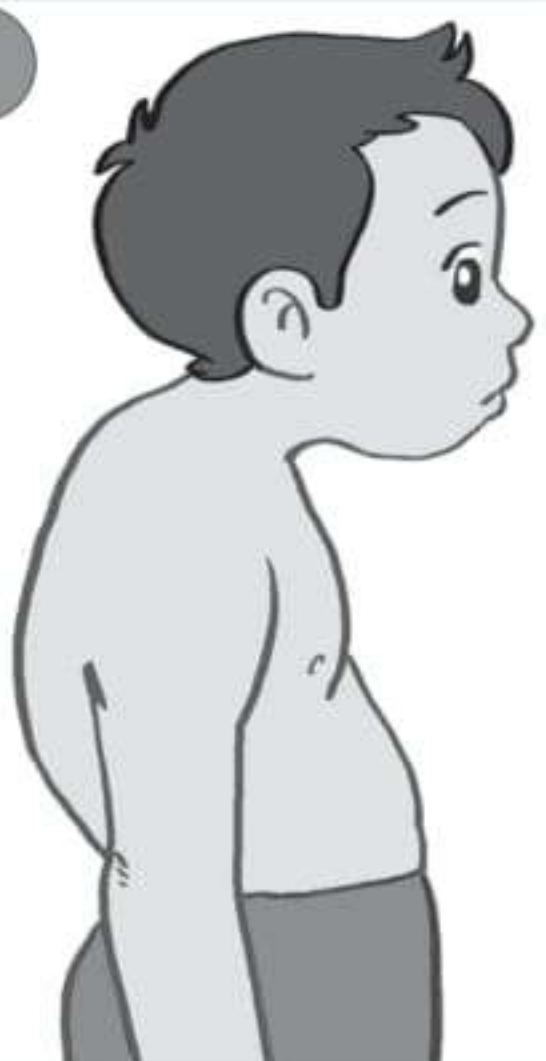
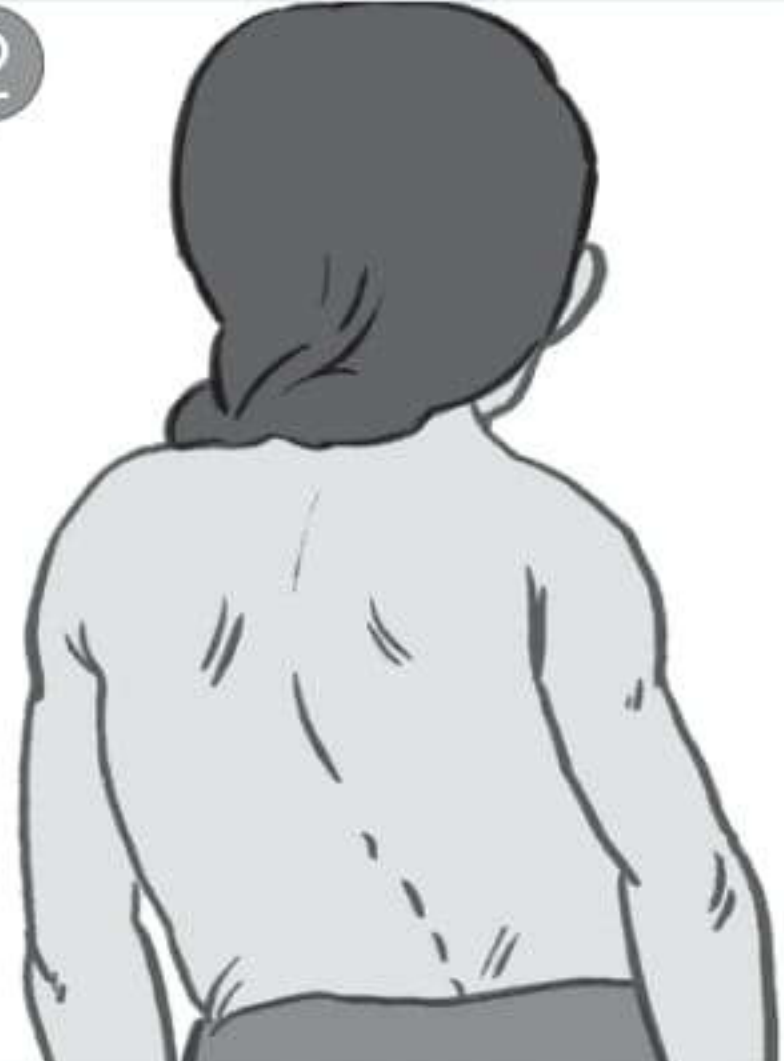
- a Cử động được về nhiều phía
- b Chỉ gập được về phía sau
- c Chỉ gập được về phía trước

15 PHÒNG TRÁNH CONG VẠO CỘT SỐNG

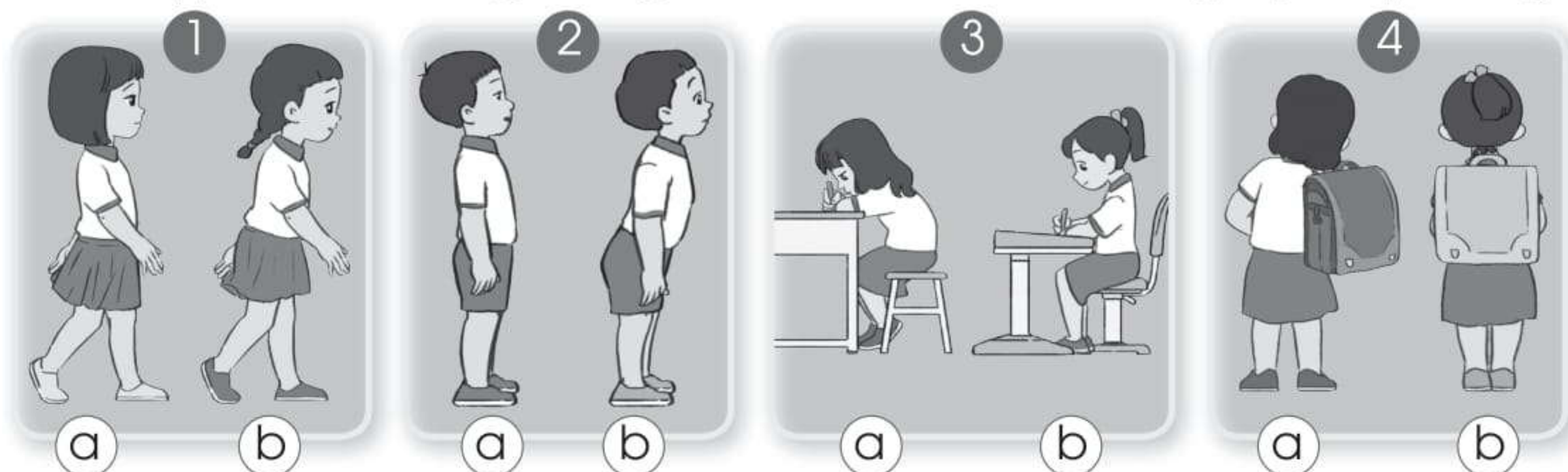
Câu 1. Viết nhận xét về tình trạng cột sống và vị trí hai vai của các bạn trong hình 1 và hình 2 vào chỗ dưới đây cho phù hợp.

	Tình trạng cột sống và vị trí hai vai
1 	1 
2 	2 

Câu 2. Nối ô chữ mô tả tình trạng cột sống với hình cho phù hợp.

1 	a Cột sống bị cong gập về phía trước dẫn đến lưng bị gù.	2 
	b Cột sống bị cong vẹo về bên trái.	

Câu 3. Tô màu vào chữ cái dưới hình bạn đi, đứng, ngồi và đeo cặp sách không đúng, có thể dẫn đến cong vẹo cột sống.



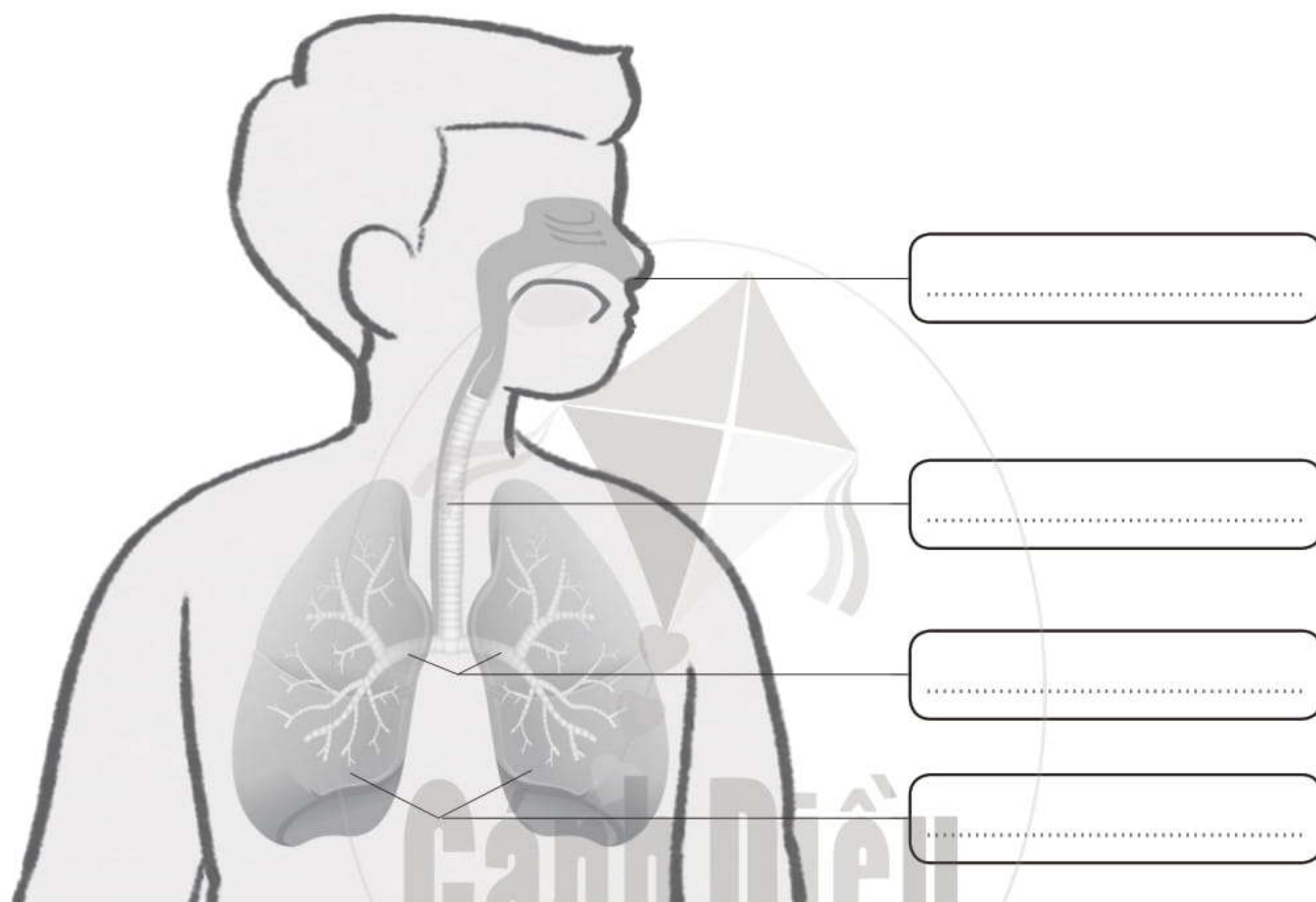
Câu 4. Tự đánh giá việc thực hiện đi, đứng, ngồi học và đeo cặp sách đúng cách của em bằng cách đánh dấu **x** vào ô tương ứng trong bảng dưới đây.

Tư thế	Thường xuyên thực hiện	Ít khi thực hiện	Chưa thực hiện được
1. Khi đi, em nhìn thẳng, lưng thẳng, tay vung một cách tự nhiên.			
2. Khi đứng, vai của em mở rộng, lưng thẳng, đầu gối hơi chùng.			
3. Khi ngồi học, em luôn giữ khoảng cách giữa mắt và sách vở vừa phải, lưng thẳng, hai chân đặt thoải mái, không chân co, chân duỗi.			
4. Em đeo cả hai quai cặp cho cân bằng; điều chỉnh dây đeo vai cho cặp nằm ngay ngắn, gọn gàng trên eo lưng; cài dây thắt lưng (nếu có).			

Câu 5. Em cần thay đổi thói quen nào khi thực hiện đi, đứng, ngồi và đeo cặp sách để phòng tránh cong vẹo cột sống?

16 CƠ QUAN HÔ HẤP

Câu 1. Viết tên các bộ phận chính của cơ quan hô hấp vào ô cho phù hợp.



Câu 2. Điền cụm từ trong khung vào chỗ trong câu dưới đây cho phù hợp.

phình ra

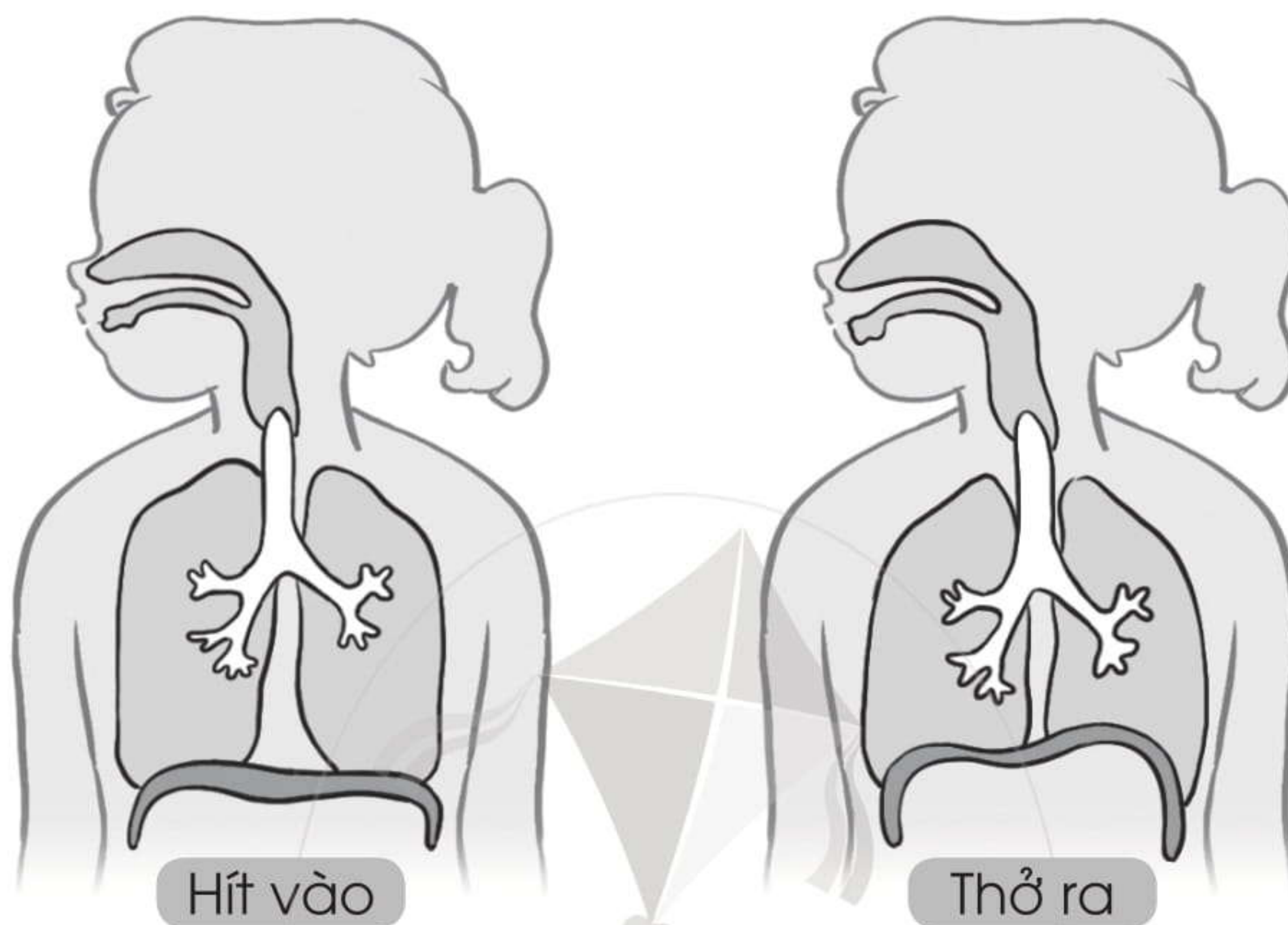
thót lại

phồng lên

hạ xuống

Khi hít vào thật sâu, em thấy bụng, lồng ngực không khí tràn vào phổi. Khi thở ra, bụng, lồng ngực, đẩy không khí từ phổi ra ngoài.

Câu 3. Vẽ mũi tên → chỉ đường đi của không khí trên sơ đồ “Hít vào” và “Thở ra”.



Câu 4. Nối tên các bộ phận của cơ quan hô hấp với chức năng của chúng cho phù hợp.



Câu 5. Điều gì sẽ xảy ra với cơ thể nếu cơ quan hô hấp ngừng hoạt động?

.....

.....

.....

.....

17 BẢO VỆ CƠ QUAN HÔ HẤP

Câu 1. Nối ô chữ với hình cho phù hợp với cách thở.

The diagram illustrates four breathing methods and three types of breathing. Each method is shown with an illustration of a person's head and shoulders, with arrows indicating the path of air.

- 1** Hít vào qua mũi, thở ra qua mũi (Inhale through the nose, exhale through the nose).
- 2** Hít vào qua miệng, thở ra qua miệng (Inhale through the mouth, exhale through the mouth).
- 3** Hít vào qua mũi, thở ra qua miệng (Inhale through the nose, exhale through the mouth).
- 4** Hít vào qua miệng, thở ra qua mũi (Inhale through the mouth, exhale through the nose).

The three types of breathing are represented by circles in the center:

- a** Thở hằng ngày (Daily breathing).
- b** Thở khi ngạt mũi (Breathing when congested).
- c** Thở khi bơi (Breathing when swimming).

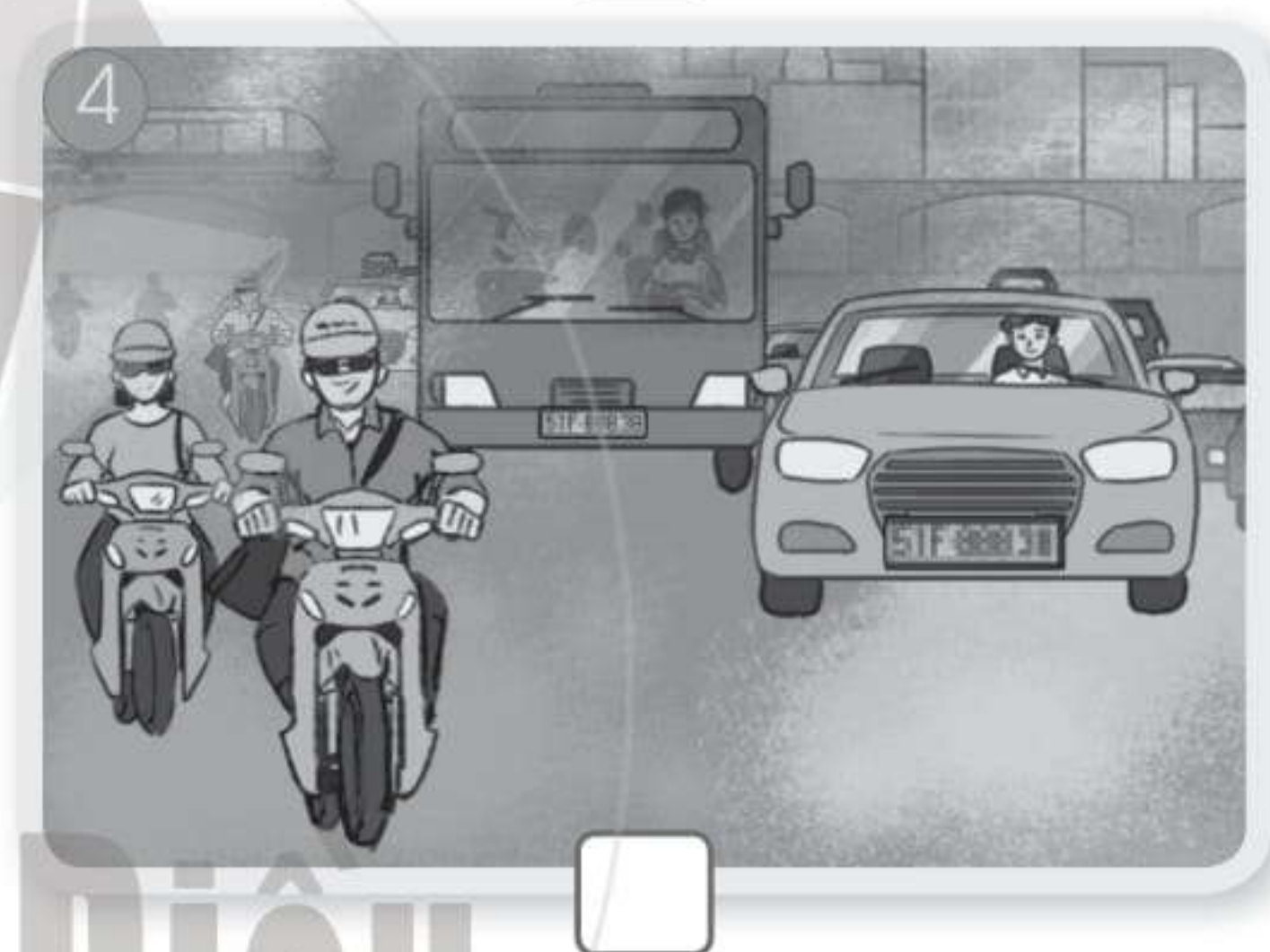
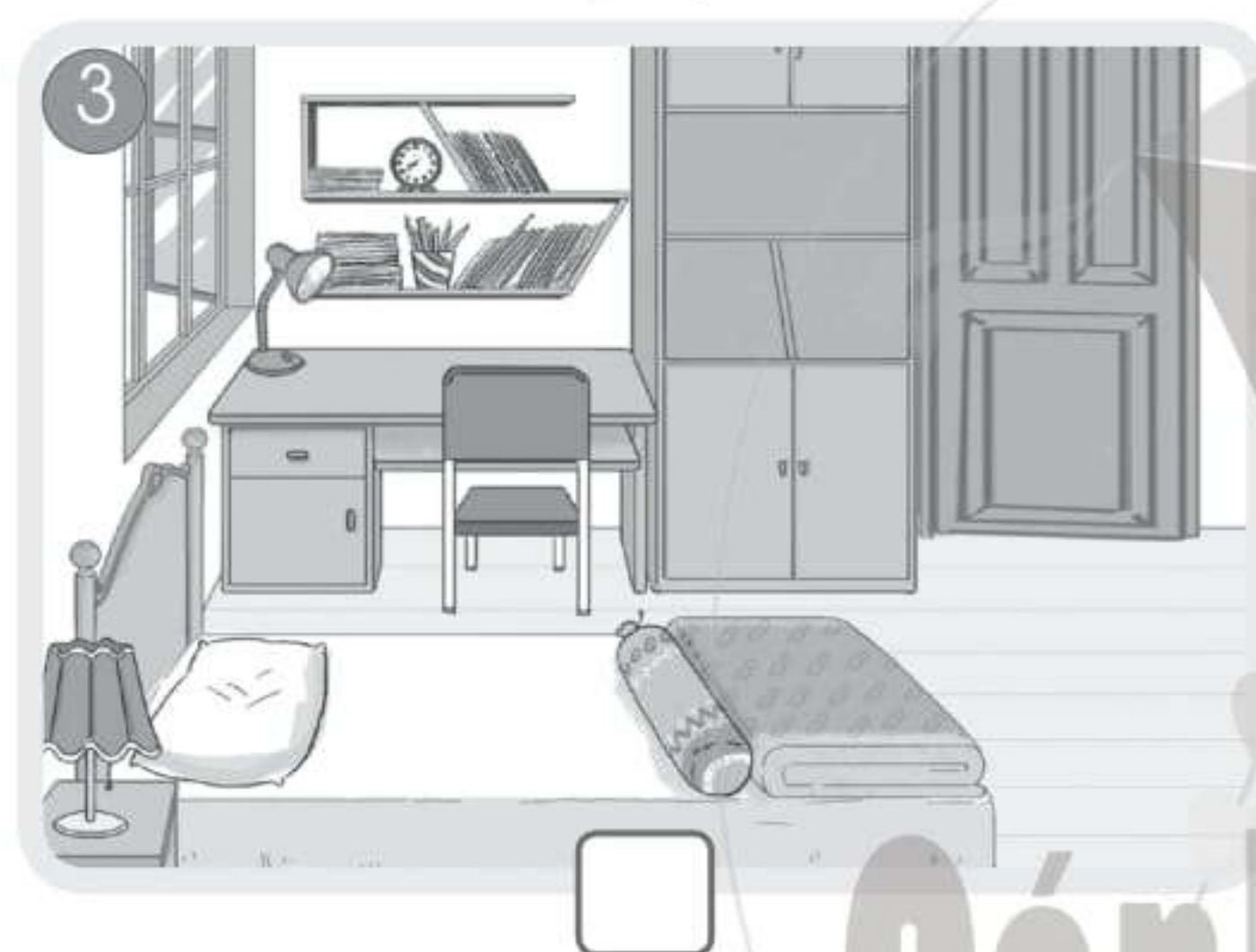
Arrows connect the breathing methods to the types of breathing: Method 1 connects to 'a', Method 2 connects to 'b', Method 3 connects to 'c', and Method 4 connects to 'b'.

Câu 2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời **sai**.

Hằng ngày, chúng ta nên thở bằng mũi vì:

- A. Trong mũi có lông mũi cản bớt bụi để không khí vào phổi sạch hơn.
- B. Trong mũi có các bộ phận giúp chúng ta ngủ được.
- C. Trong mũi có các mạch máu nhỏ li ti sưởi ấm không khí vào phổi.
- D. Trong mũi có các chất nhầy cản bụi, diệt vi khuẩn và làm ẩm không khí vào phổi.

Câu 3. Đánh dấu **x** vào ô ☐ dưới hình cho biết không khí ở đó chứa nhiều khói, bụi.



Câu 4. Nối câu trả lời ở cột B với câu hỏi ở cột A cho phù hợp.

A

B

1 Em cảm thấy thế nào khi phải thở không khí có nhiều khói, bụi?

2 Tại sao chúng ta nên tránh xa nơi có khói, bụi?

3 Trong trường hợp phải tiếp xúc với không khí có nhiều khói, bụi, chúng ta cần làm gì?

a Cần đeo khẩu trang

b Cảm thấy khó chịu, cảm thấy khó thở,...

c Vì khói, bụi chứa nhiều chất độc, gây hại cho sức khỏe

Câu 2. Đánh dấu **x** vào ô tương ứng với những việc em đã làm thường xuyên, thỉnh thoảng hoặc chưa làm trong bảng dưới đây.

Việc làm	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa làm
1. Đi đúng cách			
2. Đứng đúng tư thế			
3. Đeo cặp sách đúng tư thế			
4. Hít thở đúng cách			
5. Tránh xa nơi có khói, bụi			
6. Uống đủ nước			
7. Không nhịn tiểu			

Câu 3. Em sẽ khuyên bạn của em thế nào trong các tình huống dưới đây?

a) Bạn của em thường đeo cặp sách quá nặng và không đúng cách.

.....

.....

.....

.....

.....

b) Bạn của em thường xuyên nhịn tiểu.

.....

.....

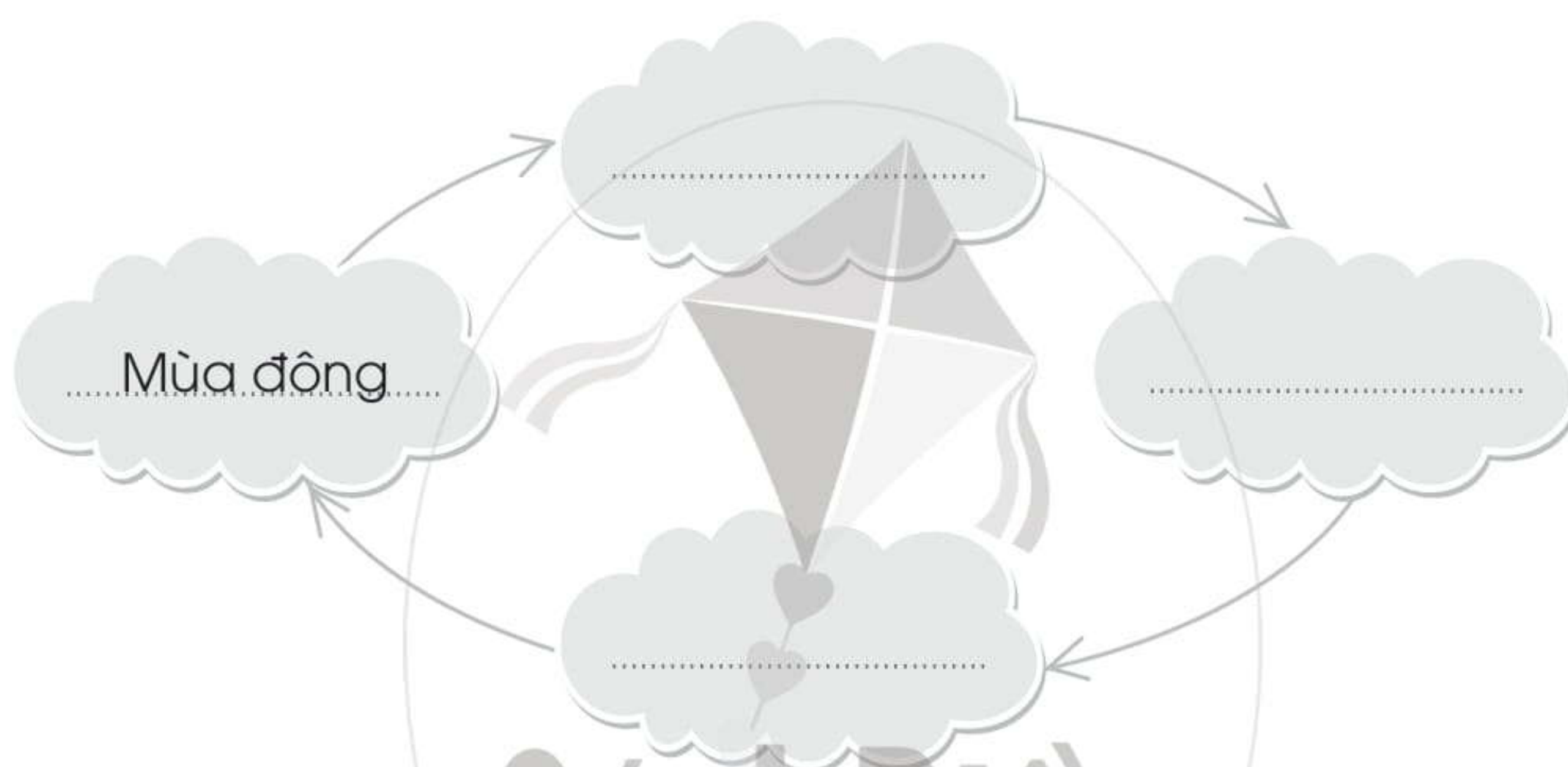
.....

.....

.....

19 CÁC MÙA TRONG NĂM

Câu 1. Viết tên mùa theo thứ tự diễn ra trong năm vào các ô  dưới đây.



Câu 2. Thời gian thường diễn ra các mùa xuân, hè, thu, đông được ghi trong bảng dưới đây.

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Mùa	Mùa đông	Mùa xuân		Mùa hè			Mùa thu			Mùa đông		

Dựa vào bảng trên, em hãy cho biết:

a) Ngày Khai giảng năm học 5 tháng 9 vào mùa nào?

.....

b) Ngày sinh nhật Bác Hồ 19 tháng 5 vào mùa nào?

.....

Câu 3. Thời gian thường diễn ra mùa mưa và mùa khô trong một năm như sau:

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Mùa	Mùa khô				Mùa mưa						Mùa khô	

Dựa vào bảng trên, em hãy cho biết:

a) Mùa khô vào những tháng nào?

.....

b) Mùa mưa vào những tháng nào?

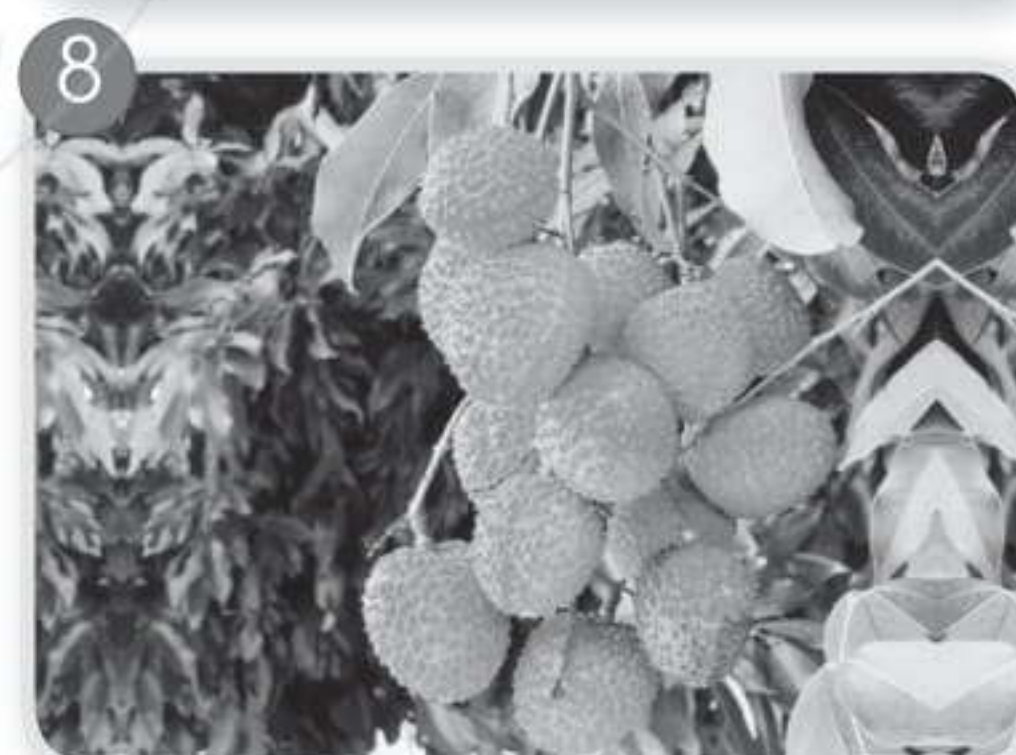
.....

Câu 4. Điền tên mùa phù hợp với đặc điểm, biểu hiện của nó ở trong bảng dưới đây.

Đặc điểm, biểu hiện của mùa	Tên mùa
1. Lá vàng rụng; trời se lạnh, hanh khô.	
2. Cây xanh tốt; nắng, nóng; thường xuất hiện những cơn mưa, giông.	
3. Cây héo khô; nắng, nóng; ít mưa; đồng ruộng khô cằn.	
4. Cây mọc nhiều chồi non, lá non; mưa phùn, ẩm ướt.	
5. Cây trơ trụi lá; trời rét.	
6. Cây tươi tốt; mưa to, kéo dài nhiều ngày; trời nóng.	

Câu 5

a) Nối hình dưới đây với mùa tương ứng.



a
Mùa xuân

b
Mùa hè

c
Mùa thu

d
Mùa đông

e
Mùa mưa

g
Mùa khô

b) Với mỗi hình, em hãy đặt một câu hỏi liên quan đến mùa.

- ①
- ②
- ③
- ④
- ⑤
- ⑥
- ⑦
- ⑧
- ⑨
- ⑩

Câu 6. Viết tên một hoạt động nổi bật và một lễ hội được tổ chức ở địa phương em. Hoạt động và lễ hội đó diễn ra vào mùa nào trong năm?

– Hoạt động nổi bật:

Hoạt động này diễn ra vào mùa:

– Lễ hội:

Lễ hội này diễn ra vào mùa:

Câu 7. Vào mùa hè, em và các bạn thường có những hoạt động nào ở ngoài trời? Hãy ghi tên các hoạt động đó.

.....

.....

.....

Câu 8. Điền các loại quả có trong mỗi mùa mà em biết vào bảng dưới đây.

Tên mùa	Các loại quả
Mùa mưa	
Mùa khô	
Mùa xuân	
Mùa hè	
Mùa thu	
Mùa đông	

Câu 9. Điền các loại hoa có trong mỗi mùa mà em biết vào bảng dưới đây.

Tên mùa	Các loại hoa
Mùa mưa	
Mùa khô	
Mùa xuân	
Mùa hè	
Mùa thu	
Mùa đông	

Câu 10. Xếp các trang phục ở hình trang 114 trong SGK vào các ngăn chứa trang phục theo mùa bằng cách ghi số hình vào mỗi ô tương ứng theo gợi ý sau (Chú ý: Một trang phục có thể xếp vào nhiều ô).

Trang phục mùa xuân

10, 14,

Trang phục mùa hè

.....

Trang phục mùa thu

.....

Trang phục mùa đông

.....

Trang phục mùa mưa

.....

Trang phục mùa khô

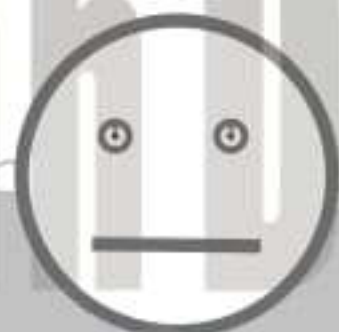
.....

Câu 11. Việc lựa chọn trang phục của em có phù hợp theo mùa không?

Tô màu vào biểu tượng trong câu trả lời của em.



Luôn phù hợp



Thỉnh thoảng
không phù hợp



Không phù hợp

Câu 12. Chủ nhật, gia đình bạn Minh tổ chức đi chơi ngoài trời. Hôm đó vào mùa hè nhưng em của Minh đòi mặc một chiếc váy len màu đỏ. Nếu là bạn Minh, em sẽ giải thích như thế nào cho em của Minh hiểu vì sao không nên mặc chiếc váy đó?

.....

.....

.....

20 MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG THIÊN TAI

Câu 1. Nối ô chữ ở cột A với ô chữ ở cột B cho phù hợp:

A Hiện tượng thiên tai	B Mô tả
1. Lũ lụt	a) Sông, suối, hồ, ao bị cạn nước.
2. Hạn hán	b) Nhà cửa, ruộng đồng bị ngập nước.
	c) Nước sông dâng cao.
	d) Ruộng đồng nứt nẻ, khô cằn.

Câu 2. Lũ lụt có thể gây ra những tác hại nào sau đây? Viết chữ **Đ** vào ô trước ý đúng, **S** vào ô trước ý sai.

- ☐ Làm hỏng đường.
- ☐ Làm ô nhiễm môi trường.
- ☐ Làm cá ở sông, hồ chết vì cạn nước.
- ☐ Gây ngập úng làm chết cây.

Câu 3. Đánh dấu **x** vào ô ☐ trước hiện tượng thường xuất hiện khi có bão.

- ☐ Bầu trời trong xanh.
- ☐ Gió mạnh.
- ☐ Nắng to.

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI

Câu 1. Hoàn thành bảng dưới đây theo mẫu.

Tên mùa	Đặc điểm thời tiết	Sử dụng trang phục
Mùa hè	Trời nắng, nóng, mưa nhiều.	Quần, áo vải mỏng, mát. Đem theo ô hoặc mũ khi ra ngoài.

Câu 2. Em cần làm gì để giữ gìn sức khỏe vào các mùa khác nhau?

.....

.....

.....

Câu 3. Sử dụng các cụm từ trong các khung chữ để điền vào chỗ trong các câu dưới đây cho phù hợp.

gió mạnh

thiếu nước

khô héo

gãy, đổ

a) Khi bão, có thể làm cây

b) Khi hạn hán, làm cây

Câu 4. Nối mỗi ô chữ ở cột A với một số ô chữ ở cột B cho phù hợp.

A

Rủi ro
thiên tai

1. Khi bão, gió mạnh có thể làm đổ nhà, đổ cây, gây thiệt hại cho con người.

2. Khi hạn hán, người, động vật có thể bị bệnh hoặc chết, cây có thể bị khô héo, chết vì thiếu nước.

3. Đường bị ngập lụt có thể gây tai nạn cho người đi đường, làm hỏng xe máy, ô tô,...

4. Lũ lụt có thể gây sạt lở đất, làm vùi lấp các vật.

B

Biện pháp ứng phó,
giảm nhẹ rủi ro thiên tai

a) Sử dụng nước đã dùng trong sinh hoạt (ví dụ nước đã dùng rửa rau,...) để tưới cây.

b) Vệ sinh, khơi thông hệ thống thoát nước dọc đường.

c) Di chuyển ra khỏi nơi có nguy cơ sạt lở đất.

d) Dự trữ nước bằng tất cả các đồ dùng có thể chứa được nước.

e) Chặt bớt cành cây to, cành cây khô quanh nhà, dọc đường.

g) Chằng chống nhà cửa, cây.

Câu 5. Quan sát hình dưới đây và trả lời câu hỏi.



a) Viết tai nạn có thể xảy ra với người đi trên đường.

.....

.....

.....

.....

b) Có thể làm gì để phòng tránh xảy ra tai nạn?

.....

.....

.....

.....

MỤC LỤC

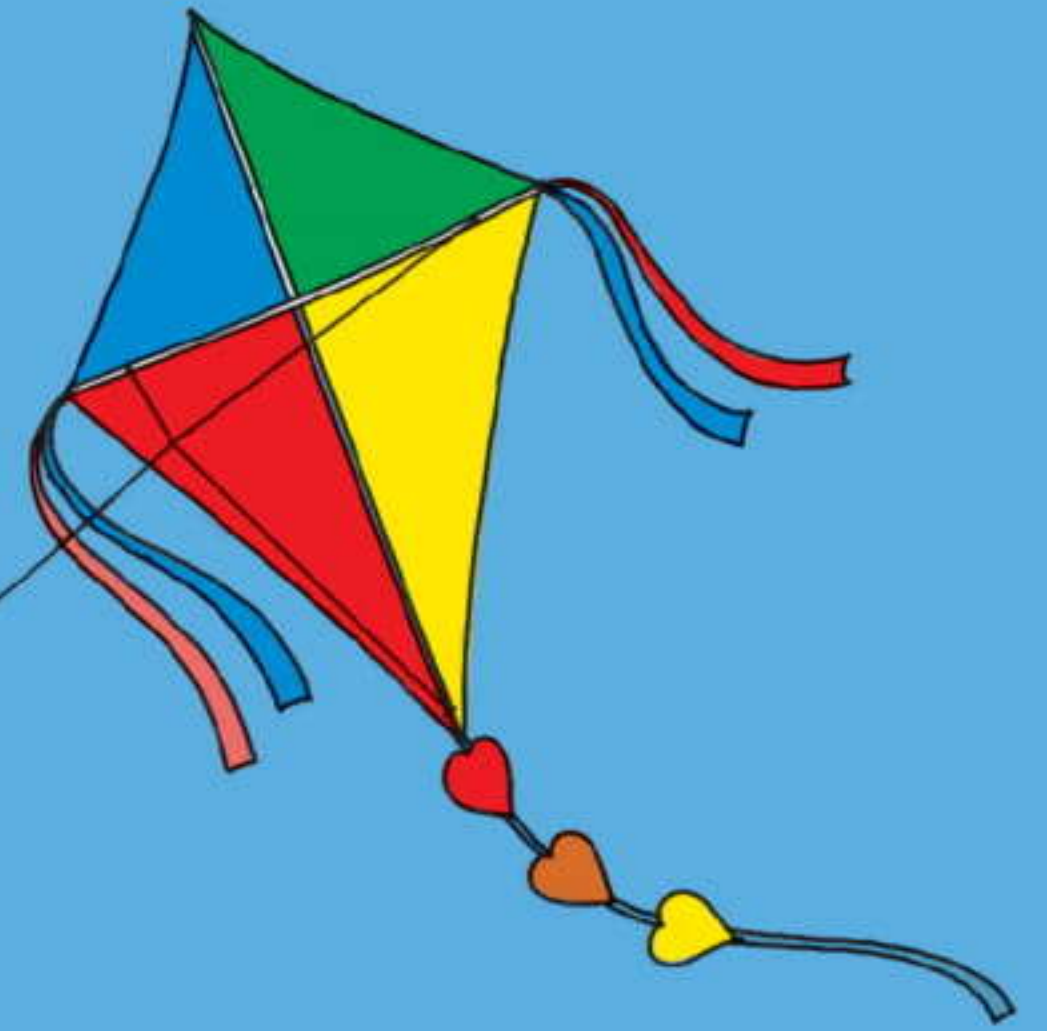
Trang

Chủ đề 1: GIA ĐÌNH		4
1	Các thế hệ trong gia đình	4
2	Nghề nghiệp	6
3	Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà	8
4	Giữ vệ sinh nhà ở	10
	Ôn tập và đánh giá chủ đề Gia đình	12
Chủ đề 2: TRƯỜNG HỌC		15
5	Một số sự kiện ở trường học	15
6	Giữ vệ sinh trường học	19
7	An toàn khi ở trường	21
	Ôn tập và đánh giá chủ đề Trường học	23
Chủ đề 3: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG		25
8	Đường và phương tiện giao thông	25
9	An toàn khi đi trên phương tiện giao thông	28
10	Mua, bán hàng hoá	31
	Ôn tập và đánh giá chủ đề Cộng đồng địa phương	33

Trang

Chủ đề 4: THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT		35
11	Môi trường sống của thực vật và động vật	35
12	Bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật	37
13	Thực hành: Tìm hiểu môi trường sống của thực vật và động vật	40
	Ôn tập và đánh giá chủ đề Thực vật và động vật	41
Chủ đề 5: CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ		42
14	Cơ quan vận động	42
15	Phòng tránh cong vẹo cột sống	44
16	Cơ quan hô hấp	46
17	Bảo vệ cơ quan hô hấp	48
18	Cơ quan bài tiết nước tiểu Phòng tránh bệnh sỏi thận	51
	Ôn tập và đánh giá chủ đề Con người và sức khỏe	53
Chủ đề 6: TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI		55
19	Các mùa trong năm	55
20	Một số hiện tượng thiên tai	61
21	Một số cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai	63
	Ôn tập và đánh giá chủ đề Trái Đất và bầu trời	65

**Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống**



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2 Cánh Diều

1. Tiếng Việt 2 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 2 (Tập một, Tập hai)
3. Đạo đức 2
4. Tự nhiên và Xã hội 2
5. Giáo dục thể chất 2
6. Âm nhạc 2
7. Mỹ thuật 2
8. Hoạt động trải nghiệm 2
9. Tiếng Anh 2 Explore Our World

TÌM ĐỌC

**CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 2 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC**



TEM CHỐNG GIẢ

Dùng điện thoại quét mã QR để truy cập trang
web: <https://canhdiều.monkey.edu.vn>

ISBN 978-604-54-8107-3

